VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ NỘI VỤ

Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BNV ngày 09 tháng 11 năm 2018 hợp nhất Nghị định quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng

(Tiếp theo Công báo số 1053 + 1054)

Chương II
MẪU HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Mục 4. MẪU BẰNG CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 29. Mẫu bằng của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ

1. Hình thức:

a) Kích thước bằng được in trên khổ giấy A3 (kích thước 420 mm x 297 mm); kích thước bên ngoài đường diềm hoa văn là 360 mm x 237 mm.

b) Họa tiết hoa văn trang trí xung quanh:

Đường diềm và bốn góc bên ngoài đường diềm được trang trí bằng các họa tiết hoa văn. Riêng đối với các bằng huy chương và bằng danh hiệu vinh dự nhà nước "Ưu tú", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", bằng "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" không có hoa văn bốn góc bên ngoài đường diềm;

Chính giữa phía trên là Quốc huy Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hai bên có các khối hoa văn chuyển tiếp giữa Quốc huy và đường diềm trang trí. Riêng bằng chứng nhận "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" thay khối hoa văn chuyển tiếp bằng hàng cờ đỏ hai bên.

Hình ảnh của thân huân chương, huy chương, huy hiệu được đặt ở giữa phía dưới đường diềm trang trí. Riêng bằng "Huân chương Hồ Chí Minh" dùng hình bông sen thay cho hình ảnh thân của huân chương.

c) Hình nền:

Bằng "Huân chương Sao vàng" sử dụng họa tiết trống đồng và hình ngôi sao ở giữa.

Bằng "Huân chương Hồ Chí Minh" sử dụng họa tiết hoa sen.

Bằng: "Huân chương Quân công", "Huân chương Chiến công", "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang", "Huy chương Vì an ninh tổ quốc", "Huy chương Quân kỳ quyết thắng", "Anh hùng Lực lượng vũ trang" sử dụng hình ngôi sao có ánh hào quang tỏa sáng.

Bằng "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" sử dụng họa tiết trống đồng và bản đồ Việt Nam ở giữa.

Bằng: "Huân chương Độc lập", "Huân chương Lao động", "Huân chương Dũng cảm", "Huân chương Đại đoàn kết dân tộc", "Huân chương Hữu nghị", "Huy chương Hữu nghị", danh hiệu vinh dự nhà nước sử dụng họa tiết trống đồng.

"Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" sử dụng họa tiết vân mây.

Bằng chứng nhận "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" sử dụng biểu tượng Đại hội thi đua yêu nước toàn quốc.

2. Nội dung:

a) Quốc hiệu: "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" được trình bày bằng chữ in hoa, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 15, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

b) Tiêu ngữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" được trình bày bằng chữ in thường, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 16, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen và ở liền phía dưới Quốc hiệu; chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối, có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ.

c) Thẩm quyền quyết định khen thưởng:

Ghi tách làm 2 dòng "CHỦ TỊCH" và "NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" đối với bằng của các hình thức khen thưởng của Chủ tịch

nước hoặc "THỦ TƯỚNG" và "CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" đối với bằng của các hình thức khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ; chữ in hoa, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 26 cho dòng trên và cỡ chữ 20 cho dòng dưới, kiểu chữ đứng, đậm, màu đỏ.

d) Tính chất tặng thưởng:

Ghi là "TẶNG" hoặc "TRUY TẶNG" đối với các bằng: Huân, huy chương, "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước", "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ"; "TẶNG DANH HIỆU" hoặc "TRUY TẶNG DANH HIỆU" đối với các bằng danh hiệu vinh dự nhà nước và "TẶNG DANH HIỆU" đối với bằng "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"; chữ in hoa, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 24, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

đ) Tên hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua: Chữ in hoa, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 42, kiểu chữ đứng, đậm, màu đỏ.

e) Hạng của các hình thức khen thưởng (nếu có), tên của đơn vị, cá nhân được khen thưởng: Chữ in hoa kiểu chữ đứng, đậm, màu đen; địa chỉ (hoặc chức vụ, đơn vị công tác đối với cá nhân đang công tác ở các cơ quan đơn vị hoặc cơ quan chủ quản đối với tập thể), thành tích của tập thể, cá nhân được khen thưởng; chữ in thường, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ căn chỉnh cho phù hợp, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

g) Số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định ghi theo số, ngày, tháng, năm ban hành quyết định; "Số sổ vàng" ghi số thứ tự của đối tượng được khen thưởng trong quyết định; chữ của hai dòng in thường; phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 14, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

h) Địa danh, ngày, tháng, năm: Chữ in thường, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 15, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

i) Chức vụ của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng: Ghi là "CHỦ TỊCH" đối với các quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước hoặc "THỦ TƯỚNG" đối với các quyết định khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; chữ in hoa, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 14, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

k) Khoảng trống để ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên người có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

Mẫu bằng được minh họa tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

Điều 30. Mẫu bằng khen của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, bằng khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh; bằng khen cấp quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; bằng chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương

1. Hình thức:

a) Kích thước: Bằng được in trên khổ giấy kích thước là 360 mm x 237 mm.

b) Họa tiết trang trí xung quanh:

Đường diềm được trang trí bằng các họa tiết hoa văn nhưng không được giống hoặc tương tự với các bằng khen cấp nhà nước;

Chính giữa phía trên là Quốc huy Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là biểu tượng của các cơ quan tổ chức thay cho Quốc huy đối với bằng khen, bằng chiến sĩ thi đua của các ban của Đảng, đoàn thể trung ương, bằng khen của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh. Không có hoa văn bốn góc bên ngoài đường diềm trang trí và khối hoa văn chuyển tiếp giữa Quốc huy và đường diềm trang trí. Đối với bằng chứng nhận chiến sĩ thi đua có thêm hàng cờ đỏ hai bên Quốc huy hoặc biểu tượng của cơ quan, tổ chức.

c) Hình nền bằng do cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định quy định đảm bảo không được giống với hình nền các bằng do Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ tặng hoặc truy tặng.

2. Nội dung:

Nội dung, bố cục, phông chữ, cỡ chữ do các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng quy định đảm bảo đẹp, trang trọng và có các nội dung chủ yếu sau:

a) Dòng thứ nhất, dòng thứ hai ghi:

Quốc hiệu "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm màu đen.

Tiêu ngữ "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen và ở liền phía dưới Quốc hiệu; chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối, có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ.

Đối với các bằng khen, bằng chiến sĩ thi đua của các cơ quan Đảng thay dòng Quốc hiệu bằng dòng chữ "ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM" chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

b) Dòng thứ ba: Ghi "chức vụ của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng"; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đỏ.

c) Dòng thứ tư: Ghi tính chất tặng thưởng

Ghi là "TẶNG" đối với bằng khen hoặc "TẶNG DANH HIỆU" đối với bằng chứng nhận chiến sĩ thi đua; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

d) Dòng thứ năm: Ghi tên hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đỏ.

đ) Các dòng tiếp theo: Ghi tên của đơn vị, cá nhân được khen thưởng; địa chỉ hoặc chức danh đơn vị công tác đối với cá nhân đang công tác ở các cơ quan đơn vị hoặc cơ quan chủ quản đối với tập thể, thành tích của tập thể, cá nhân được khen thưởng; chữ màu đen.

e) Ở phía dưới bên trái: Là "Số quyết định, ngày, tháng, năm" ghi theo số, ngày, tháng, năm ban hành quyết định; "Số sổ vàng" đặt dưới dòng số quyết định ghi số thứ tự của đối tượng được khen thưởng trong quyết định; chữ của hai dòng in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

g) Phía dưới bên phải: Ghi địa danh, ngày, tháng, năm; chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

Dưới dòng địa danh là dòng chữ ghi chức vụ của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng, chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

h) Khoảng trống để ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên người có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

Điều 31. Mẫu giấy khen, bằng chứng nhận "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

1. Hình thức:

a) Kích thước: Bằng được in trên khổ giấy A4, kích thước là 297 mm x 210 mm.

b) Họa tiết hoa văn trang trí xung quanh:

Đường diềm được trang trí bằng các họa tiết hoa văn nhưng không được giống hoặc tương tự với hoa văn trên các bằng khen cấp nhà nước.

Chính giữa phía trên là:

Quốc huy Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đối với "Giấy khen" và bằng chứng nhận "Chiến sĩ thi đua cơ sở" của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan

chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, "Giấy khen" của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

Biểu tượng của các cơ quan, tổ chức đối với "Giấy khen", bằng chứng nhận "Chiến sĩ thi đua cơ sở" của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, "Giấy khen" của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã.

Đối với bằng chứng nhận "Chiến sĩ thi đua cơ sở" có thêm hàng cờ đỏ hai bên Quốc huy hoặc biểu tượng của các cơ quan đoàn thể.

Không có hoa văn bốn góc bên ngoài đường diềm và khối hoa văn chuyển tiếp giữa Quốc huy và đường diềm trang trí.

c) Hình nền bằng để trắng.

2. Nội dung:

Nội dung do các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng quy định, về bố cục, phông chữ, cỡ chữ đảm bảo tính thẩm mỹ và có các nội dung chủ yếu sau:

a) Dòng thứ nhất, dòng thứ hai ghi:

Quốc hiệu "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

Tiêu ngữ "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen và ở liền phía dưới Quốc hiệu; chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối, có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ. Đối với "Giấy khen", bằng chứng nhận "Chiến sĩ thi đua cơ sở" của các cơ quan Đảng thay dòng Quốc hiệu bằng dòng chữ "ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM" chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

b) Dòng thứ ba: Ghi "chức vụ của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng"; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đỏ.

c) Dòng thứ tư: Ghi là "TẶNG" đối với giấy khen, "TẶNG DANH HIỆU" đối với bằng chiến sĩ thi đua cơ sở; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

d) Dòng thứ năm: Ghi tên hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đỏ.

đ) Các dòng tiếp theo: Ghi tên của đơn vị, cá nhân được khen thưởng; địa chỉ (hoặc chức danh, đơn vị công tác đối với cá nhân đang công tác ở các cơ quan đơn

vị hoặc cơ quan chủ quản đối với tập thể), thành tích của tập thể, cá nhân được khen thưởng; chữ màu đen.

e) Ở phía dưới bên trái: Là "Số quyết định, ngày, tháng, năm" ghi theo số, ngày, tháng, năm ban hành quyết định; "Số sổ vàng" đặt dưới dòng số quyết định ghi số thứ tự của đối tượng được khen thưởng trong quyết định; chữ của hai dòng in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

g) Phía dưới bên phải: Ghi địa danh, ngày, tháng, năm; chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

Dưới dòng địa danh là dòng chữ ghi chức vụ của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

h) Khoảng trống để ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên người có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

Điều 32. Bằng kỷ niệm chương, bằng huy hiệu của bộ, ban, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan trung ương của các đoàn thể; bằng chứng nhận "Gia đình văn hóa"

Kích thước được in trên khổ giấy A5, kích thước 210 mm x 148 mm.

Nội dung, họa tiết hoa văn trang trí trên bằng do bộ, ban, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan trung ương của các đoàn thể quy định và đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng ở trung ương trước khi ban hành.

Điều 33. Bằng chứng nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng", Thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa

1. Hình thức:

a) Kích thước: Bằng được in trên khổ giấy A4, kích thước 297 mm x 210 mm.

b) Họa tiết hoa văn trang trí xung quanh:

Đường diềm được trang trí bằng các họa tiết hoa văn không được giống hoặc tương tự với các bằng khen cấp nhà nước;

Chính giữa phía trên là Quốc huy Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hàng cờ đỏ hai bên (đối với các bằng chứng nhận thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có thẩm quyền thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng); là biểu tượng của các cơ quan, tổ chức và hàng cờ đỏ hai bên (đối với các bằng chứng nhận thuộc thẩm quyền Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở Trung ương, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, lãnh đạo cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể).

c) Hình nền bằng để trắng.

2. Nội dung:

Nội dung do các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng quy định. Bố cục, phông chữ, cỡ chữ đảm bảo tính thẩm mỹ và có các nội dung chủ yếu sau:

a) Dòng thứ nhất, dòng thứ hai ghi:

Quốc hiệu "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

Tiêu ngữ "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" được trình bày bằng chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen và ở liền phía dưới Quốc hiệu; chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối, có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ.

Đối với các danh hiệu thuộc thẩm quyền Trưởng các Ban của Đảng, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng thay dòng Quốc hiệu và tiêu ngữ bằng dòng chữ "ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM" chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

b) Dòng thứ ba: Ghi "chức vụ của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng"; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đỏ.

c) Dòng thứ tư: Ghi tính chất tặng thưởng: Ghi là "TẶNG DANH HIỆU" chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

d) Dòng thứ năm: Ghi tên danh hiệu thi đua; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đỏ.

đ) Các dòng tiếp theo ghi tên của đơn vị, cá nhân được khen thưởng; địa chỉ (hoặc chức danh đơn vị công tác đối với cá nhân đang công tác ở các cơ quan đơn vị hoặc cơ quan chủ quản đối với tập thể), thành tích của tập thể, cá nhân được khen thưởng; chữ màu đen.

e) Ở phía dưới bên trái: Là "Số quyết định, ngày, tháng, năm" ghi theo số, ngày tháng năm ban hành quyết định; "Số sổ vàng" đặt dưới dòng số quyết định ghi số thứ tự của đối tượng được khen thưởng trong quyết định; chữ của hai dòng in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

g) Phía dưới bên phải: Ghi địa danh, ngày, tháng, năm; chữ in thường, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

Ngay dưới dòng địa danh là dòng chữ ghi chức vụ của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng, chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

h) Khoảng trống để ký tên, đóng dấu, ghi họ và tên người có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

Mục 5. MẪU CỜ

Điều 34. Cờ "Anh hùng Lao động", cờ "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân", cờ "Tỉnh anh hùng", cờ "Thành phố anh hùng"

1. Hình thức: Cờ có kích thước (850 mm x 650 mm); chất liệu: Vải sa tanh hai lớp màu đỏ cờ.

2. Nội dung thêu: Cờ được thêu bằng chỉ màu vàng, chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, phông chữ và cỡ chữ tùy theo nội dung của cờ để căn chỉnh cho phù hợp đảm bảo đẹp, trang trọng và có các nội dung chính sau:

a) Dòng thứ nhất: "CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM"; chữ in hoa, kiểu chữ đứng đậm.

b) Dòng thứ hai: "TẶNG DANH HIỆU" chữ in hoa, kiểu chữ đứng đậm.

c) Phía dưới dòng thứ 2, chính giữa là ngôi sao vàng năm cánh.

d) Dưới ngôi sao ghi tên danh hiệu thi đua ("ANH HÙNG LAO ĐỘNG" hoặc "ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN" hoặc "TỈNH ANH HÙNG" "THÀNH PHỐ ANH HÙNG") chữ in hoa, kiểu chữ đứng đậm và cuối cùng là dòng ghi "(tên đơn vị được khen thưởng)".

Mẫu cờ được minh họa tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này.

Điều 35. "Cờ thi đua của Chính phủ"

1. Hình thức: Cờ có kích thước (850 mm x 650 mm); chất liệu: Vải sa tanh hai lớp màu đỏ cờ.

2. Nội dung thêu: Cờ được thêu bằng chỉ màu vàng, chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, phông chữ và cỡ chữ tùy theo nội dung của cờ để căn chỉnh cho phù hợp đảm bảo đẹp, trang trọng và có các nội dung chính sau:

a) Dòng thứ nhất: "CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM"; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm.

b) Dòng thứ hai: "TẶNG"; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm.

c) Phía dưới dòng thứ 2, chính giữa là ngôi sao vàng năm cánh.

d) Dưới ngôi sao là "(tên đơn vị được tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ)" và dòng "ĐƠN VỊ XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA NĂM"; năm được ghi là năm đơn vị có thành tích được xét tặng danh hiệu, chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm.

Mẫu cờ được minh họa tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này.

Điều 36. Cờ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Hình thức: Cờ có kích thước (800 mm x 600 mm); chất liệu: Vải sa tanh hai lớp màu đỏ cờ.

2. Nội dung thêu: Cờ được thêu bằng chỉ màu vàng, chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, phông chữ và cỡ chữ tùy theo nội dung của cờ để căn chỉnh cho phù hợp đảm bảo đẹp, trang trọng và có các nội dung chính sau:

a) Dòng thứ nhất: "(ghi tên bộ, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)"; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm.

b) Dòng thứ hai: "TẶNG"; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm.

c) Dưới dòng thứ 2, chính giữa là ngôi sao vàng năm cánh.

d) Dưới ngôi sao là dòng chữ "(tên đơn vị được tặng thưởng Cờ thi đua)" và dòng "ĐƠN VỊ DẪN ĐẦU PHONG TRÀO THI ĐUA NĂM", năm được ghi là năm đơn vị có thành tích được xét tặng danh hiệu; chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm.

Điều 37. Cờ thi đua cấp quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, tổng cục và tương đương thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an

1. Hình thức: Cờ có kích thước (750 mm x 550 mm); chất liệu: Vải sa tanh hai lớp màu đỏ cờ.

2. Nội dung thêu: Do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định.

Mục 6. MẪU KHUNG VÀ HỘP

Điều 38. Khung

Khung được cấp cùng với bằng của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua. Việc quy định mẫu khung như sau:

1. Mẫu khung bằng của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ có kích thước, chất liệu đảm bảo đẹp, trang trọng phù hợp với kích thước của bằng, hình thức khen thưởng.

2. Khung bằng của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua khác do cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định khen thưởng quy định kích thước, chất liệu đảm bảo đẹp, trang trọng phù hợp với từng hình thức khen thưởng.

Điều 39. Hộp

Hộp được cấp cùng với huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương. Việc quy định mẫu hộp được quy định như sau:

1. Mẫu hộp đựng huân chương, huy chương, huy hiệu danh hiệu vinh dự nhà nước, huy hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" có kích thước, chất liệu đảm bảo đẹp, trang trọng phù hợp với từng hình thức khen thưởng. Nắp phía trên bên ngoài hộp có in hình Quốc huy.

2. Hộp đựng huy hiệu, kỷ niệm chương quy định tại Khoản 37 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 do cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định khen thưởng quy định mẫu, kích thước, chất liệu đảm bảo đẹp, trang trọng phù hợp với từng hình thức khen thưởng.

Chương III
QUẢN LÝ, CẤP PHÁT, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI, THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Điều 40. Quản lý, cấp phát hiện vật khen thưởng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về thi đua khen thưởng ở Trung ương có trách nhiệm mua sắm, bảo quản và cấp phát hiện vật khen thưởng cấp nhà nước cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ban, ngành, đoàn thể ở trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các tập thể, cá nhân được khen thưởng.

2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức trao tặng các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua của Chủ tịch nước, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ kèm theo hiện vật khen thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng.

3. Đối với các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng tổ chức mua sắm, bảo quản, trao tặng và cấp phát hiện vật khen thưởng.

4. Các tập thể, cá nhân được tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày, bảo quản và sử dụng hiện vật khen thưởng lâu dài, đúng mục đích và ý nghĩa. Tập thể được sử dụng biểu tượng của các hiện vật khen thưởng đã được tặng thưởng để tuyên truyền trên các văn bản, tài liệu chính thức của tập thể.

Điều 41. Cấp đổi hiện vật khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp nhà nước gồm 01 bộ bản chính:

a) Công văn đề nghị cấp đổi của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp đổi của cá nhân khi có hiện vật khen thưởng bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng và hư hỏng vì lý do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn kèm theo hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi.

b) Công văn đề nghị cấp đổi của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kèm danh sách theo mẫu 4.3 phụ lục IV gửi Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp nhà nước.

2. Thủ tục cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp nhà nước:

a) Tập thể có công văn, cá nhân có đơn đề nghị cấp đổi (mẫu 4.1a và 4.1b phụ lục IV) gửi bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi đang công tác hoặc nơi cư trú) kèm theo hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi.

b) Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổng hợp và gửi công văn đề nghị cấp đổi kèm theo danh sách (mẫu số 4.3 phụ lục IV) cùng tệp dữ liệu điện tử và hiện vật khen thưởng cũ, hư hỏng gửi Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xem xét, cấp đổi.

"c)[2] Xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp đổi hiện vật khen thưởng:

Căn cứ công văn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tra cứu, xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp đổi hiện vật khen thưởng đồng thời thu lại hiện vật khen thưởng cũ hỏng.

---

[2] *Được sửa đổi tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 20/7/2018 của Chính phủ*

Hiện vật khen thưởng cấp đổi do Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định như sau:

Mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu theo quy định tại Mục 1, Mục 2 và Mục 3, Chương II, Nghị định số 85/2014/NĐ-CP (Phụ lục II, Nghị định số 85/2014/NĐ-CP). Riêng các hình thức khen thưởng cấp nhà nước trước đây (hiện nay không quy định trong Luật thi đua, khen thưởng) thì cấp theo mẫu tại thời điểm tập thể, cá nhân được quyết định khen thưởng.

Mẫu bằng cấp đổi in theo thiết kế tại thời điểm tập thể, cá nhân được khen thưởng, trong đó phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm đó; phía dưới bên trái bằng ghi "Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm, số sổ vàng" và ghi "chứng nhận cấp đổi bằng số, ngày, tháng, năm" của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương". Tập thể, cá nhân khi được cấp đổi bằng sẽ được nhận kèm theo giấy chứng nhận cấp đổi (Phụ lục IV, Mẫu 4.5)."

3. Hồ sơ đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng khác: Tập thể có công văn, cá nhân có đơn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng gửi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định khen thưởng xem xét và thực hiện cấp đổi.

4. Thời gian giải quyết cấp đổi hiện vật khen thưởng:

"a)[3] Thời gian giải quyết cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp nhà nước:

Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị cấp đổi của tập thể, cá nhân gửi hồ sơ tới Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trả kết quả cấp đổi cho bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Hàng năm, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương có trách nhiệm báo cáo Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ tình hình cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp nhà nước để theo dõi."

b) Thời gian giải quyết cấp đổi hiện vật khen thưởng khác: Cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng giải quyết cấp đổi hiện vật khen thưởng trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị cấp đổi.

---

[3] *Được sửa đổi tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 20/7/2018 của Chính phủ*

5. Hiện vật khen thưởng thu lại do cấp đổi, cơ quan có thẩm quyền cấp đổi có trách nhiệm thực hiện thanh lý theo quy định hiện hành.

Điều 42. Cấp lại hiện vật khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng cấp nhà nước gồm 01 bộ bản chính:

a) Công văn đề nghị cấp lại của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp lại của cá nhân khi có hiện vật khen thưởng bị thất lạc, bị mất do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn gửi bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã trình khen thưởng cho tập thể, cá nhân.

b) Công văn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng cấp nhà nước của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kèm theo danh sách (mẫu 4.4 phụ lục IV) gửi Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

2. Thủ tục cấp lại hiện vật khen thưởng cấp nhà nước.

a) Tập thể có công văn, cá nhân có đơn đề nghị cấp lại (mẫu 4.2a và 4.2b phụ lục IV) gửi bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã trình khen cho tập thể, cá nhân.

b) Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp và gửi công văn kèm theo danh sách (mẫu số 4.4 phụ lục IV) cùng tệp dữ liệu điện tử cho Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

"c)[4] Xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp lại hiện vật khen thưởng:

Căn cứ công văn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tra cứu hồ sơ, xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp lại hiện vật khen thưởng.

Hiện vật khen thưởng cấp lại do Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định như sau:

Mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu theo quy định tại Mục 1, Mục 2 và Mục 3 Chương II Nghị định số 85/2014/NĐ-CP (Phụ lục II Nghị định số 85/2014/NĐ-CP). Riêng các hình thức khen thưởng cấp nhà nước trước đây (hiện nay không quy định trong Luật Thi đua, Khen thưởng) thì cấp theo mẫu tại thời điểm tập thể, cá nhân được quyết định khen thưởng.

---

[4] *Được sửa đổi tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 20/7/2018 của Chính phủ*

Mẫu bằng cấp lại in theo thiết kế tại thời điểm tập thể, cá nhân được khen thưởng, trong đó phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm đó; phía dưới bên trái bằng ghi "Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm, số sổ vàng" và ghi "chứng nhận cấp lại bằng số, ngày, tháng, năm" của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương". Tập thể, cá nhân khi được cấp lại bằng sẽ được nhận kèm theo giấy chứng nhận cấp lại (Phụ lục IV, Mẫu 4.6)."

4. Thời gian giải quyết cấp lại hiện vật khen thưởng:

a)[5] Thời gian giải quyết cấp lại hiện vật khen thưởng cấp nhà nước:

Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị cấp lại của tập thể, cá nhân phải xác nhận khen thưởng và gửi hồ sơ tới Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trả kết quả cấp lại cho bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Hàng năm, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương có trách nhiệm báo cáo Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ tình hình cấp lại hiện vật khen thưởng cấp nhà nước để theo dõi."

b) Thời gian giải quyết cấp lại hiện vật khen thưởng khác: Cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng giải quyết cấp lại hiện vật khen thưởng trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị cấp lại.

Điều 43. Thu hồi hiện vật khen thưởng

1. Thu hồi hiện vật khen thưởng cấp nhà nước.

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định: Tước danh hiệu vinh dự nhà nước, hủy bỏ, điều chỉnh quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, tập thể, cá nhân có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng cho bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đã trình khen cho tập thể, cá nhân.

b) Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm đôn đốc tập thể, cá nhân nộp lại hiện vật khen thưởng đúng thời hạn và gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hiện vật thu hồi.

---

[5] *Được sửa đổi tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 20/7/2018 của Chính phủ*

c) Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương có trách nhiệm đôn đốc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thu hồi hiện vật khen thưởng đúng thời hạn và hạch toán thu hồi theo quy định của nhà nước.

2. Thu hồi hiện vật khen thưởng khác

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định tước danh hiệu thi đua, hủy bỏ, điều chỉnh quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền, tập thể, cá nhân có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng cho cơ quan thẩm quyền ra quyết định khen thưởng.

b) Cơ quan thẩm quyền ra quyết định khen thưởng có trách nhiệm đôn đốc tập thể, cá nhân nộp lại hiện vật khen thưởng đúng thời hạn và tổ chức thu hồi.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành[6]

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014 và thay thế Nghị định số 50/2006/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, bằng huân chương, bằng huy chương, cờ thi đua, bằng khen, giấy khen và các văn bản trái với quy định của Nghị định này.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành các hiện vật khen thưởng theo quy định tại Nghị định số 50/2006/NĐ-CP vẫn tiếp tục được phát kèm theo các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đến khi hết số lượng.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ NỘI VỤ

Số: 03/VBHN-BNV

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2018
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Thị Hà

---

[6] *Điều 2 Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 20/7/2018 của Chính phủ: Có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.*

PHỤ LỤC I

MẪU BẢN VẼ THIẾT KẾ HUÂN CHƯƠNG, HUY CHƯƠNG, HUY HIỆU

(Ban hành kèm theo Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ)

Mẫu 1.1. "Huân chương Sao vàng"

Mẫu 1.2. "Huân chương Hồ Chí Minh"

Mẫu 1.3. "Huân chương Độc lập" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba

Mẫu 1.4. "Huân chương Quân công" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba

Mẫu 1.5. "Huân chương Lao động" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba

Mẫu 1.6. "Huân chương Chiến công" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba

Mẫu 1.7. "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba

Mẫu 1.8. "Huân chương Dũng cảm"

Mẫu 1.9. "Huân chương Đại đoàn kết dân tộc"

Mẫu 1.10. "Huân chương Hữu nghị"

Mẫu 1.11. "Huy chương Quân kỳ quyết thắng"

Mẫu 1.12. "Huy chương Vì an ninh tổ quốc"

Mẫu 1.13. "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba

Mẫu 1.14. "Huy chương Hữu nghị"

Mẫu 1.15. Huy hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"

Mẫu 1.16. Huy hiệu "Anh hùng Lực lượng Vũ trang"

Mẫu 1.17. Huy hiệu "Anh hùng Lao động"

Mẫu 1.18. Huy hiệu "Tỉnh anh hùng"

Mẫu 1.19. Huy hiệu "Thành phố anh hùng"

Mẫu 1.20. Huy hiệu "Nhà giáo Nhân dân"

Mẫu 1.21. Huy hiệu "Nhà giáo Ưu tú"

Mẫu 1.22. Huy hiệu "Thầy thuốc Nhân dân"

Mẫu 1.23. Huy hiệu "Thầy thuốc Ưu tú"

Mẫu 1.24. Huy hiệu "Nghệ sĩ Nhân dân"

Mẫu 1.25. Huy hiệu "Nghệ sĩ Ưu tú"

Mẫu 1.26. Huy hiệu "Nghệ nhân Nhân dân"

Mẫu 1.27. Huy hiệu "Nghệ nhân Ưu tú"

Mẫu 1.28. Huy hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"

Mẫu số 1.1

HUÂN CHƯƠNG SAO VÀNG

Tỷ lệ 1/1

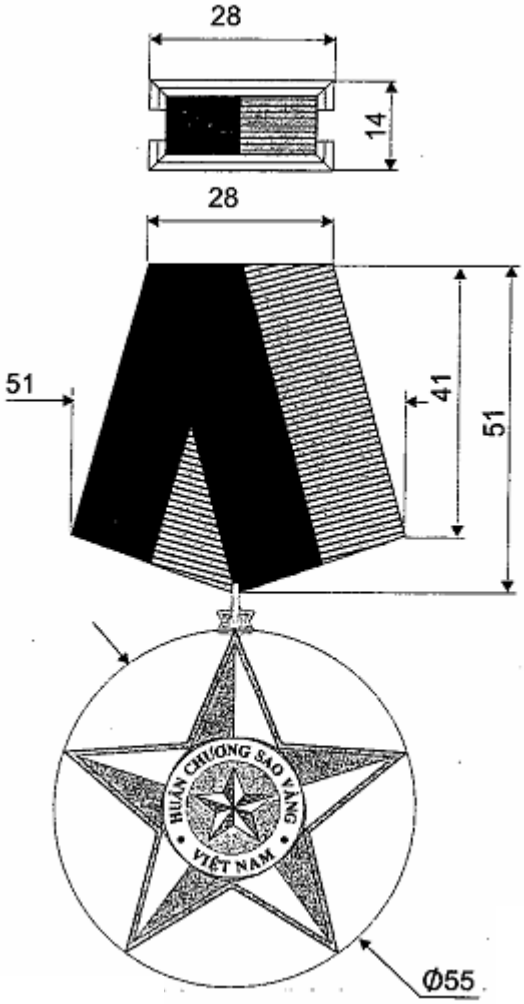

Mẫu số 1.2

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

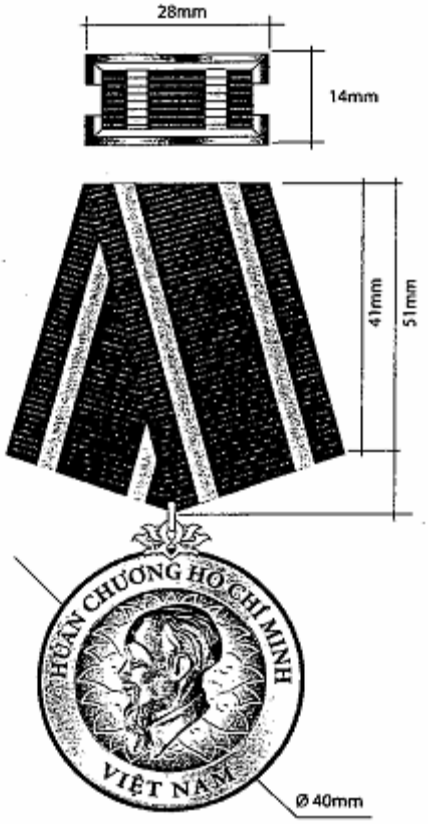

Tỷ lệ 1:1

Mẫu số 1.3

HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP

Huân chương Độc lập hạng Nhất

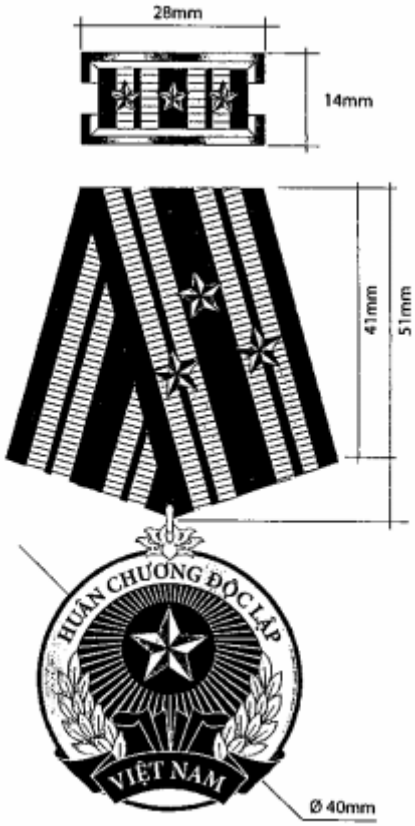

Huân chương Độc lập hạng Nhì

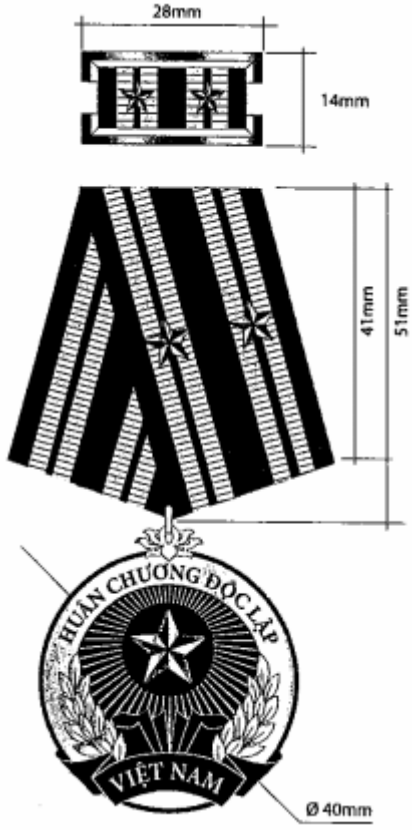

Huân chương Độc lập hạng Ba

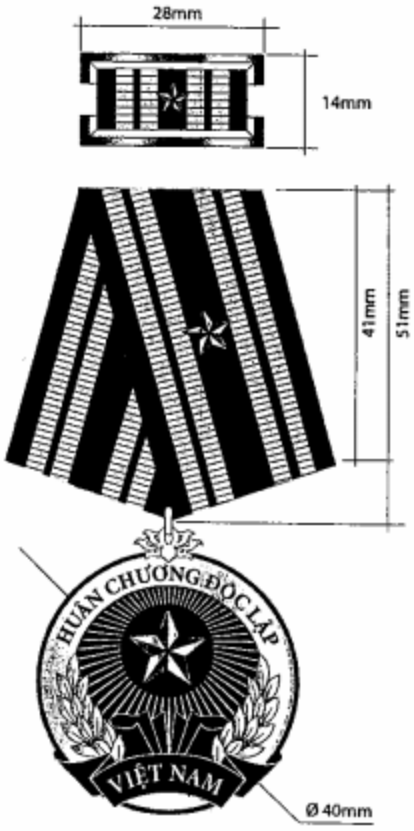

Tỷ lệ 1:1

Mẫu số 1.4

HUÂN CHƯƠNG QUÂN CÔNG

Huân chương Quân công hạng Nhất

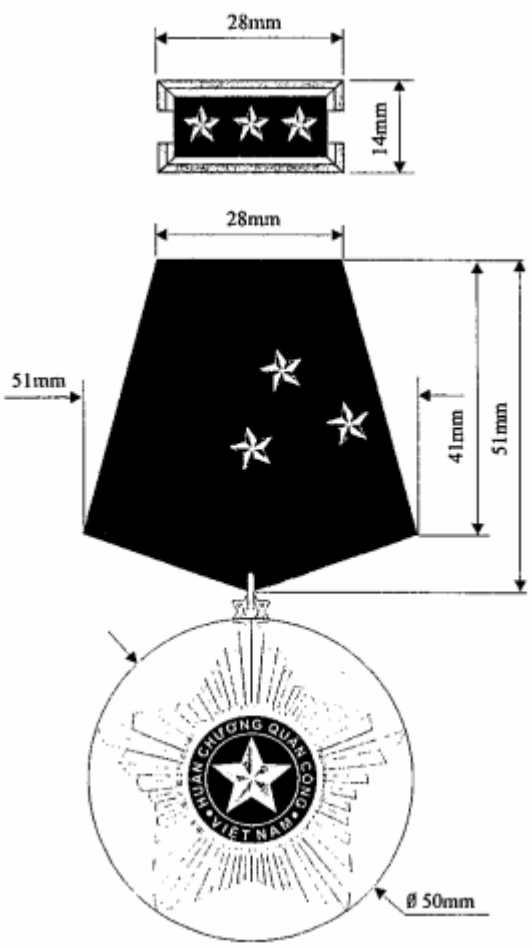

Huân chương Quân công hạng Nhì

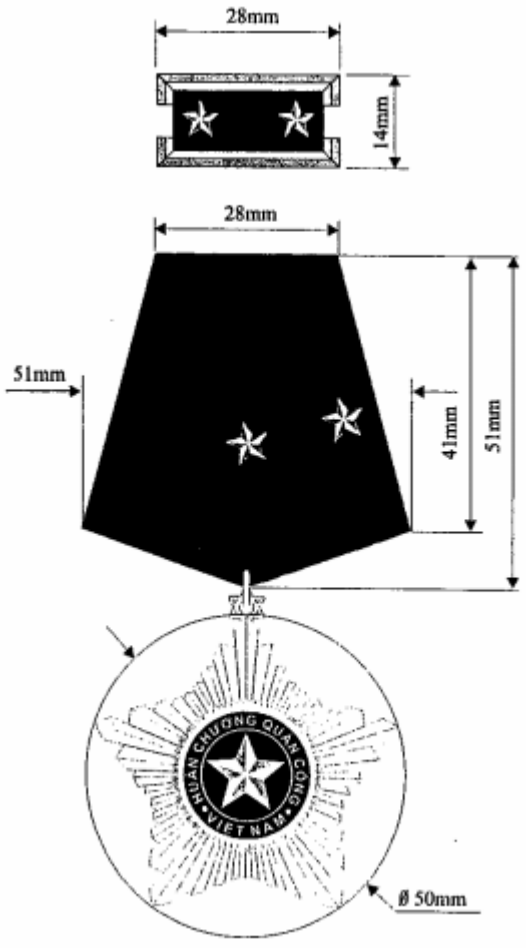

Huân chương Quân công hạng Ba

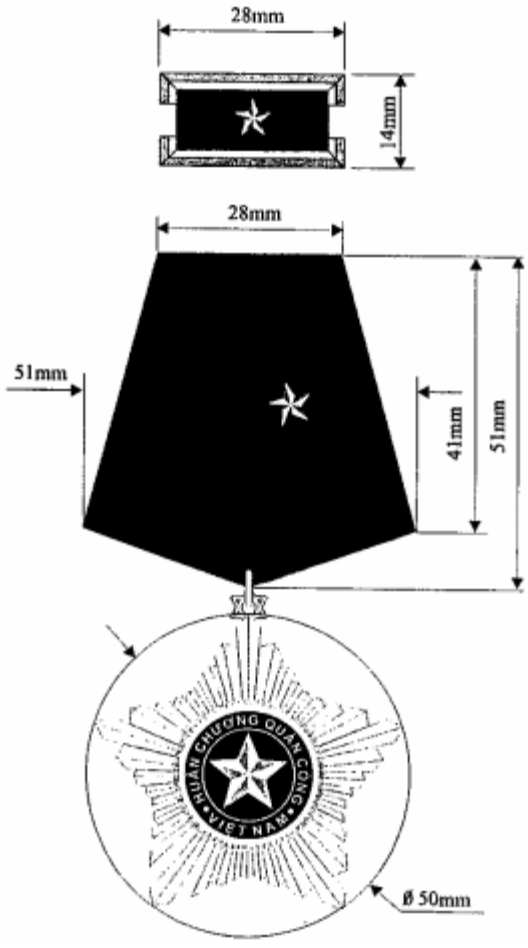

Tỷ lệ 1:1

Mẫu số 1.5

HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG

Huân chương Lao động hạng Nhất

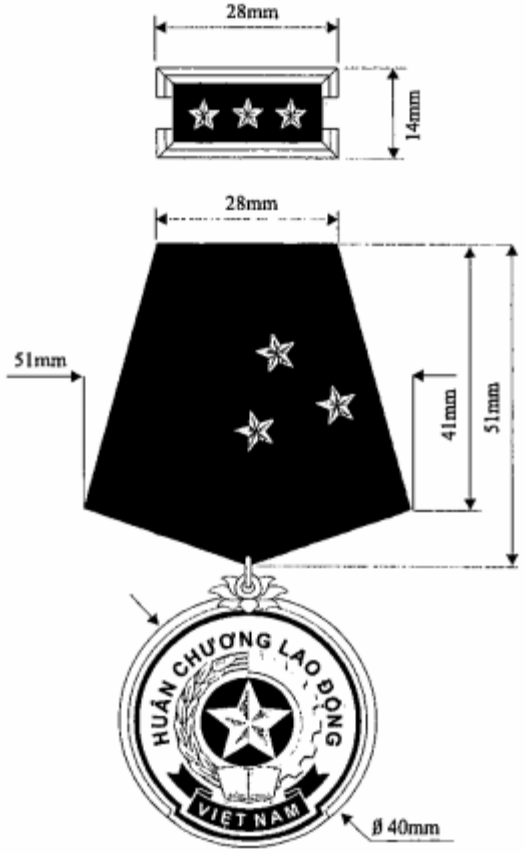

Huân chương Lao động hạng Nhì

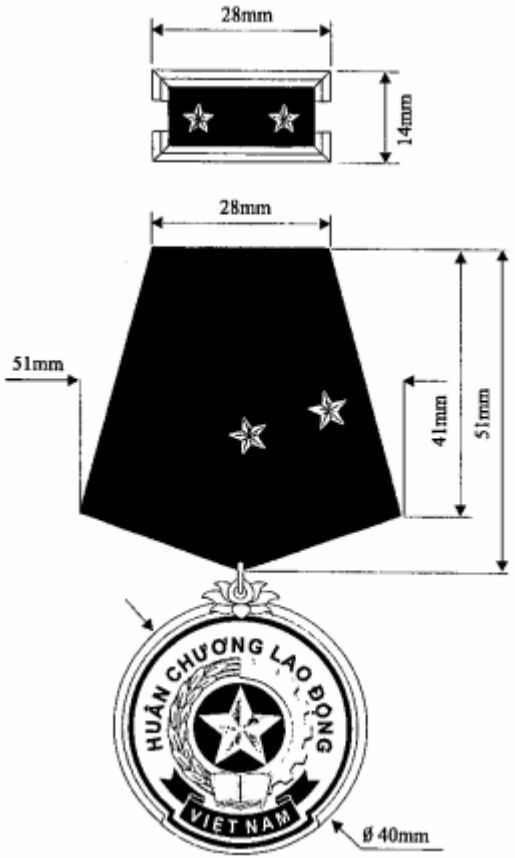

Huân chương Lao động hạng Ba

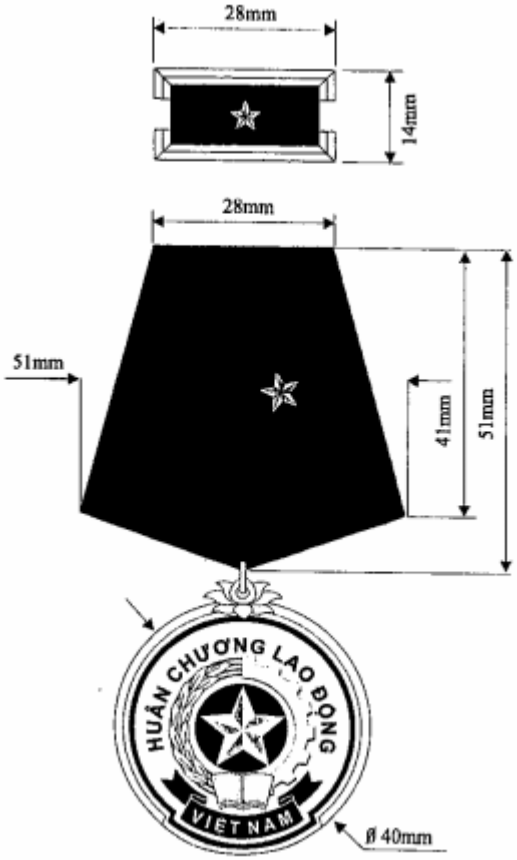

Tỷ lệ 1:1

Mẫu số 1.6

HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG

Huân chương Chiến công hạng Ba

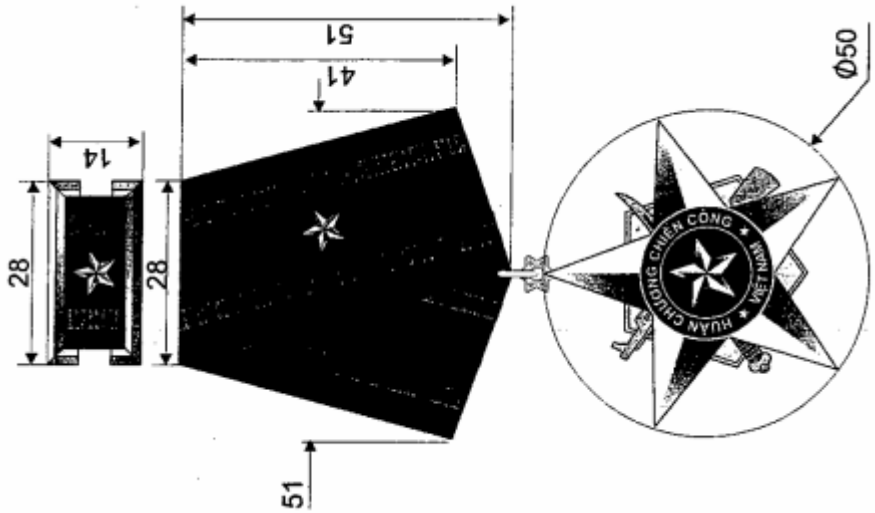

Huân chương Chiến công hạng Nhì

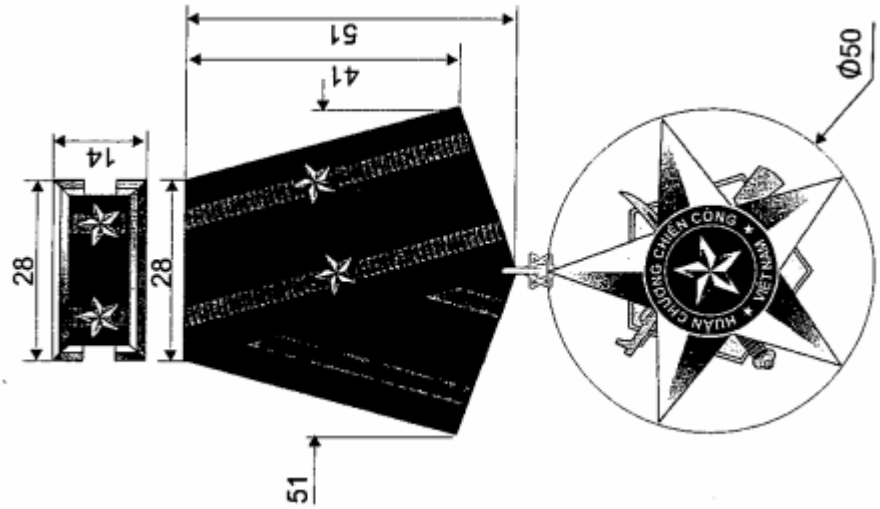

Huân chương Chiến công hạng nhất

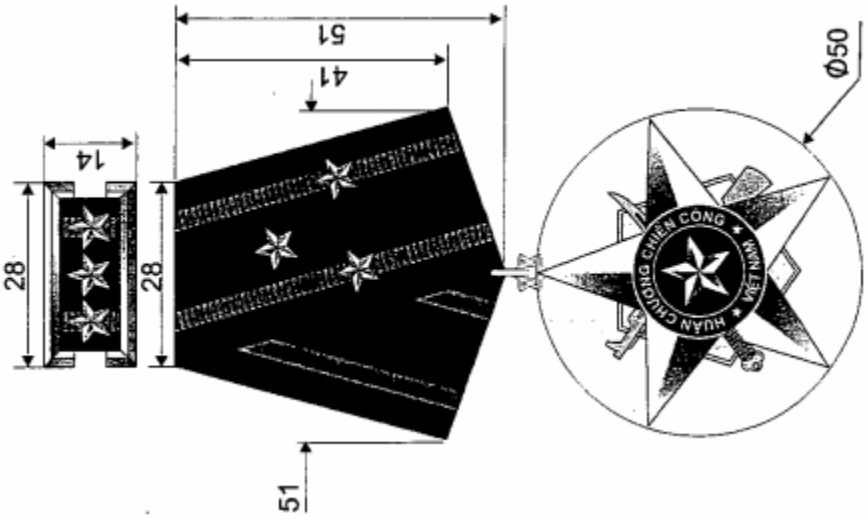

Tỷ lệ 1:1

Mẫu số 1.7

HUÂN CHƯƠNG BẢO VỆ TỔ QUỐC

Tỷ lệ 1/1

Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Ba

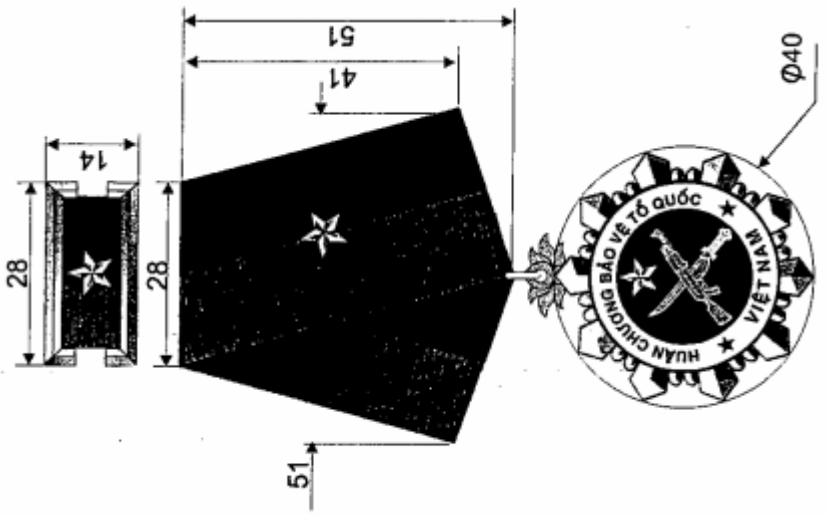

Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng Nhì

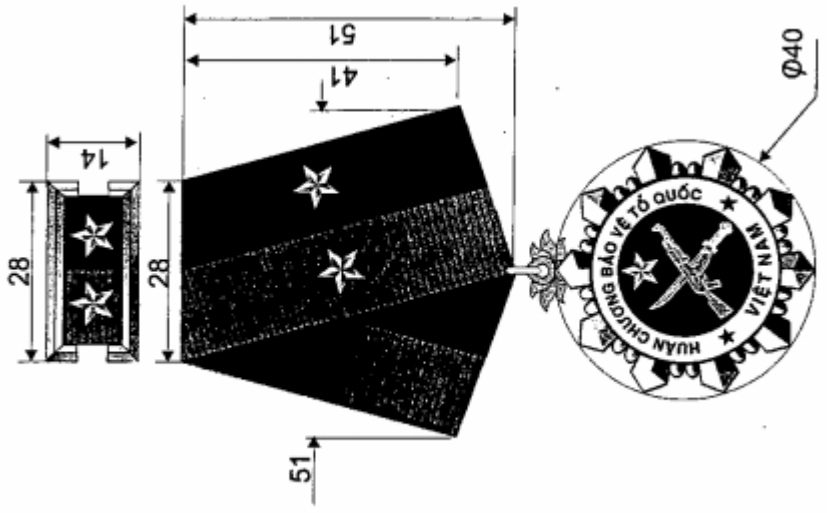

Huân chương Bảo vệ tổ quốc hạng nhất

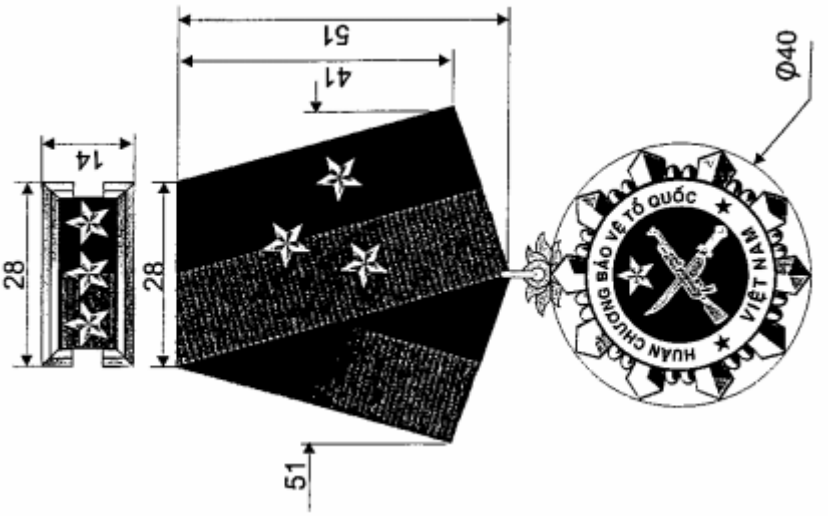

Mẫu số 1.8

HUÂN CHƯƠNG DŨNG CẢM

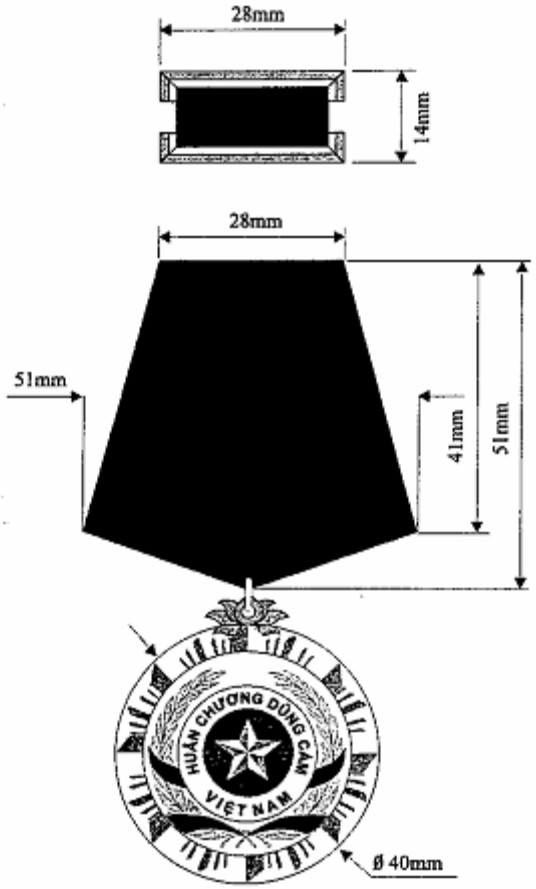

Tỷ lệ 1:1

Mẫu số 1.9

HUÂN CHƯƠNG ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

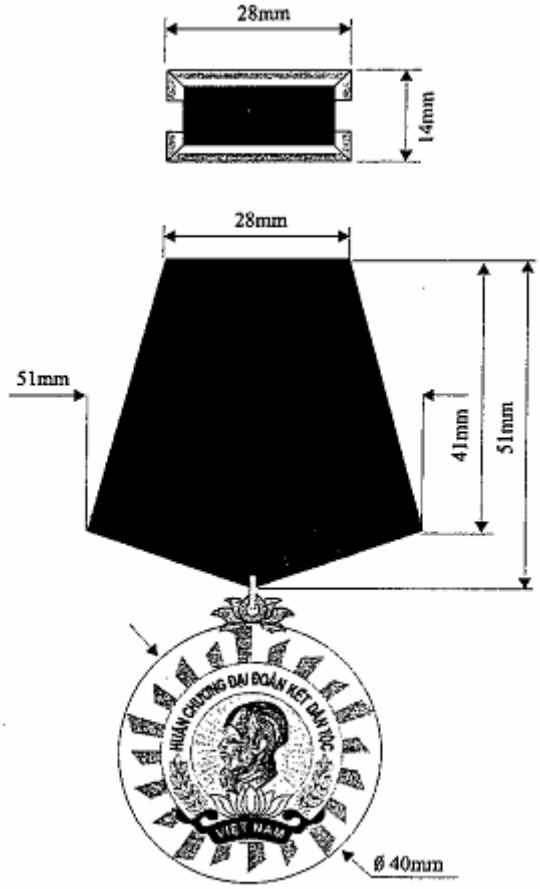

Tỷ lệ 1:1

Mẫu số 1.10

HUÂN CHƯƠNG HỮU NGHỊ

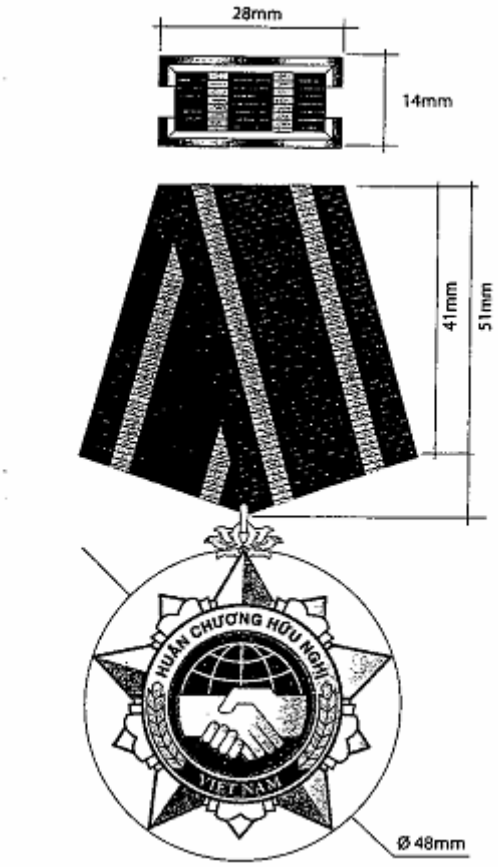

Tỷ lệ 1:1

Mẫu số 1.11

HUY CHƯƠNG QUÂN KỲ QUYẾT THẮNG

Tỷ lệ 1/1

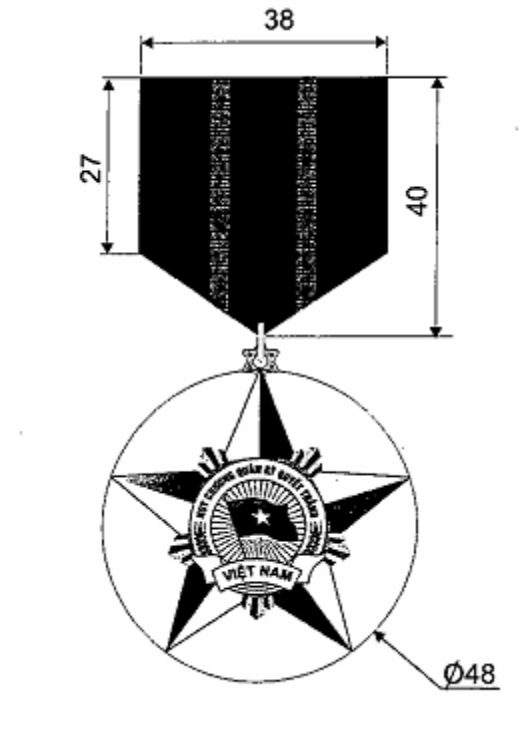

Mẫu số 1.12

HUY CHƯƠNG VÌ AN NINH TỔ QUỐC

Tỷ lệ 1/1

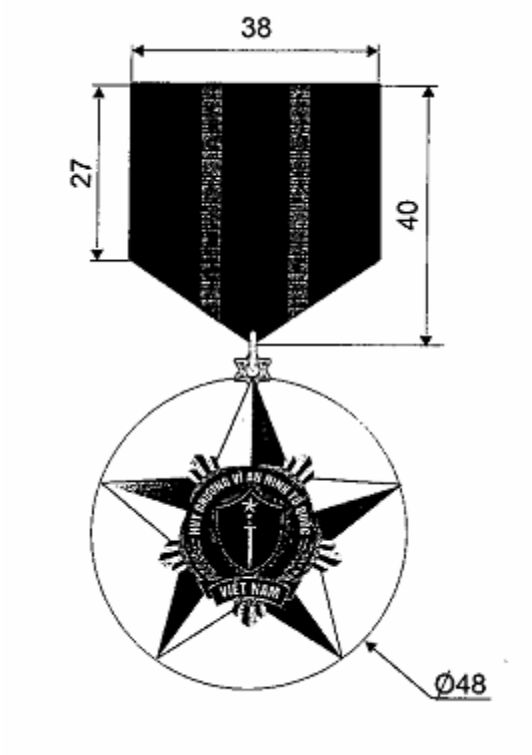

Mẫu số 1.13

HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VẺ VANG

Tỷ lệ 1/1

Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất

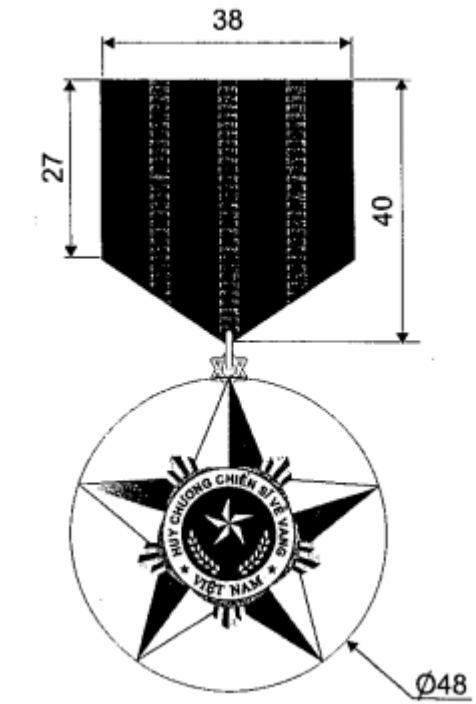

Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì

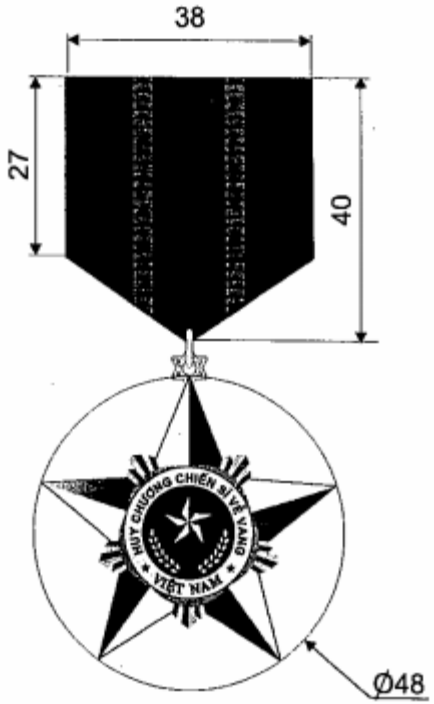

Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Ba

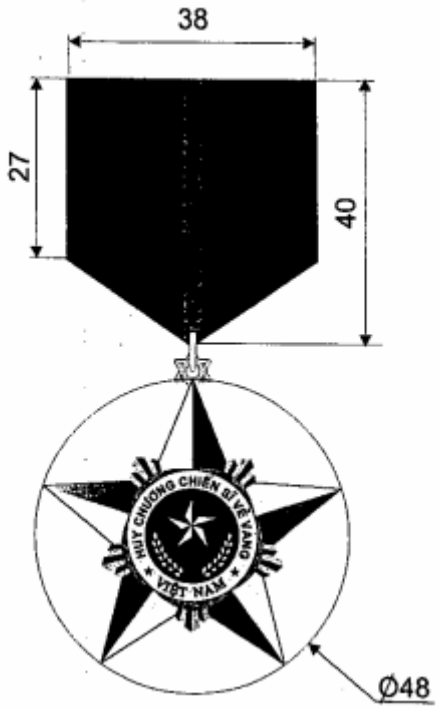

Mẫu số 1.14

HUY CHƯƠNG HỮU NGHỊ

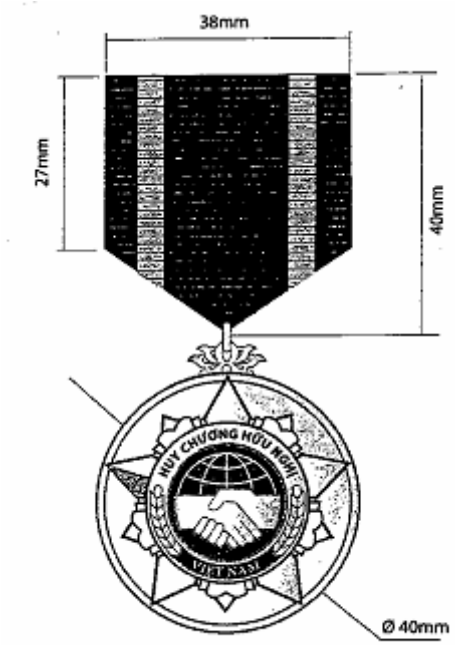

Tỷ lệ 1:1

Mẫu số 1.15

HUY HIỆU "BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG"

Tỷ lệ 1/1

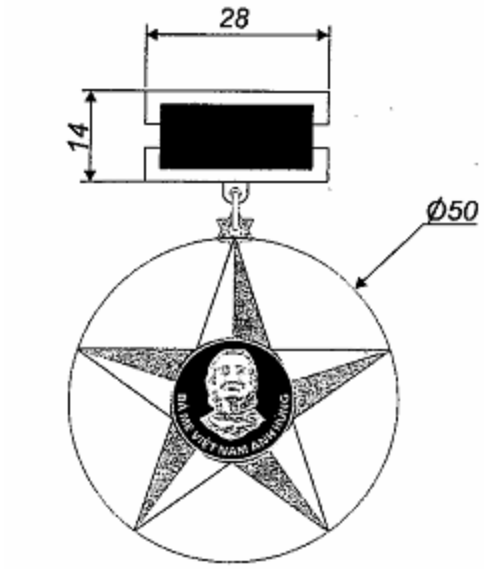

Mẫu số 1.16

HUY HIỆU "ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN"

Tỷ lệ 1/1

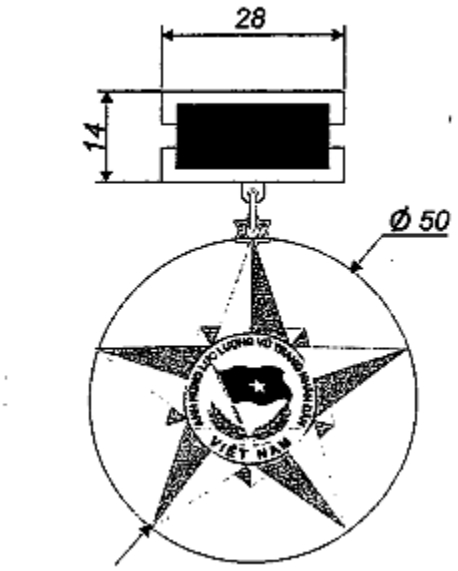

Mẫu số 1.17

HUY HIỆU "ANH HÙNG LAO ĐỘNG"

Tỷ lệ 1/1

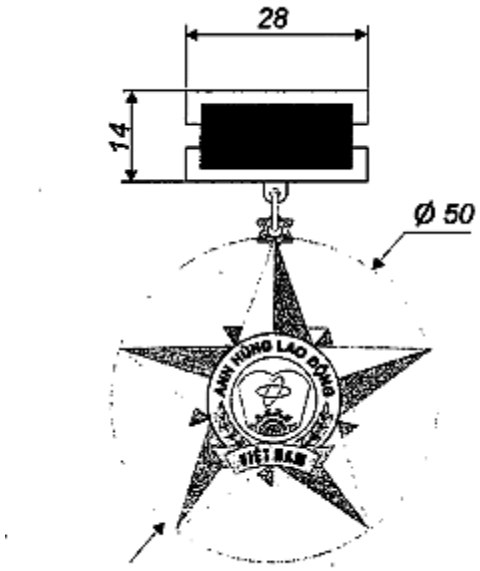

Mẫu số 1.18

HUY HIỆU "TỈNH ANH HÙNG"

Tỷ lệ 1/1

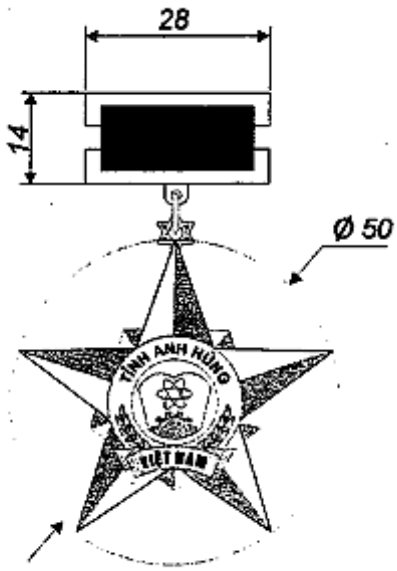

Mẫu số 1.19

HUY HIỆU "THÀNH PHỐ ANH HÙNG"

Tỷ lệ 1/1

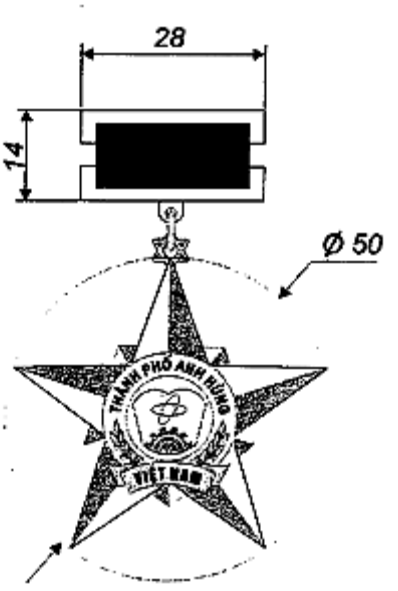

Mẫu số 1.20

HUY HIỆU "NHÀ GIÁO NHÂN DÂN"

Tỷ lệ 1/1

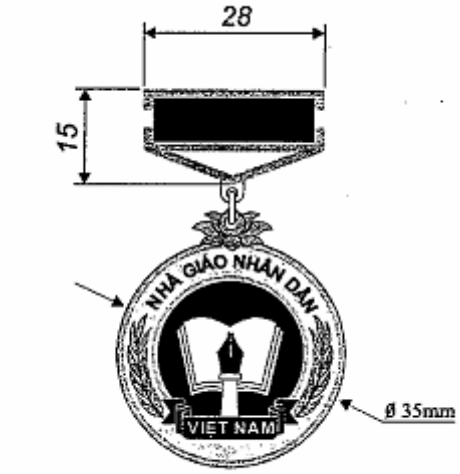

Mẫu số 1.21

HUY HIỆU "NHÀ GIÁO ƯU TÚ"

Tỷ lệ 1/1

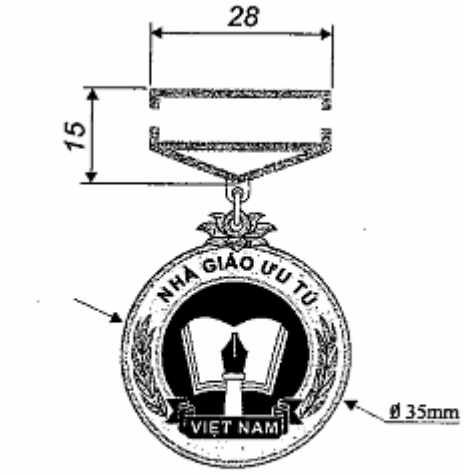

Mẫu số 1.22

HUY HIỆU "THẦY THUỐC NHÂN DÂN"

Tỷ lệ 1/1

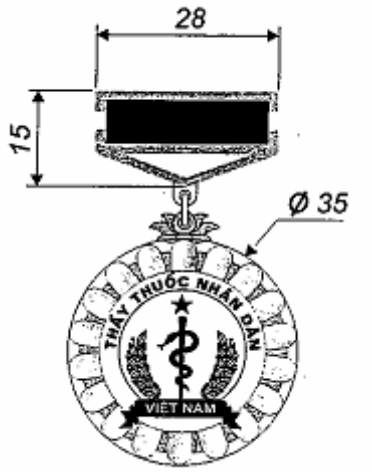

Mẫu số 1.23

HUY HIỆU "THẦY THUỐC ƯU TÚ"

Tỷ lệ 1/1

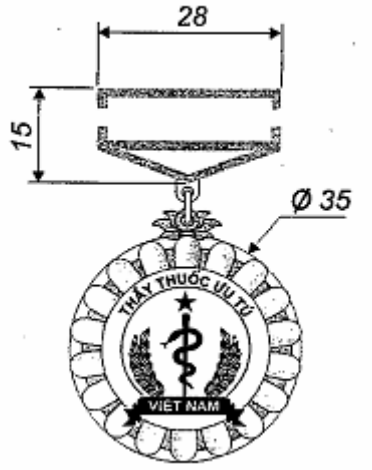

Mẫu số 1.24

HUY HIỆU "NGHỆ SĨ NHÂN DÂN"

Tỷ lệ 1/1

Mẫu số 1.25

HUY HIỆU "NGHỆ SĨ ƯU TÚ"

Tỷ lệ 1/1

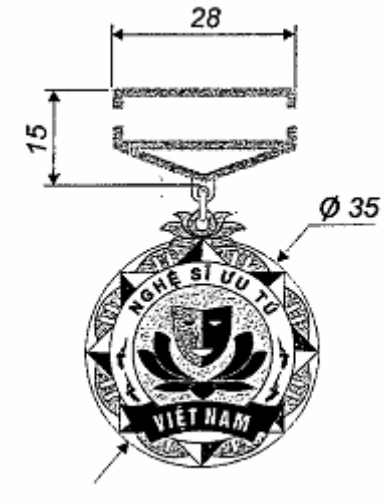

Mẫu số 1.26

HUY HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN"

Tỷ lệ 1/1

Mẫu số 1.27

HUY HIỆU "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

Tỷ lệ 1/1

Mẫu số 1.28

HUY HIỆU "CHIẾN SĨ THI ĐUA TOÀN QUỐC"

Tỷ lệ 1/1

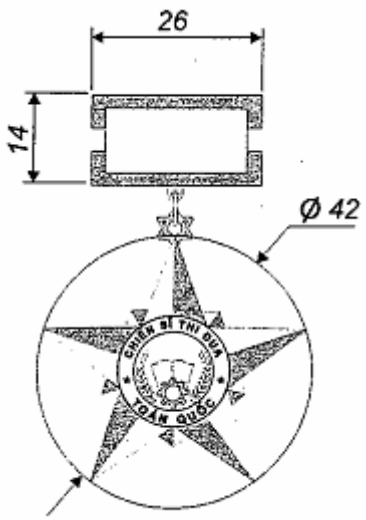

PHỤ LỤC II

MẪU BẢN VẼ THIẾT KẾ BẰNG CỦA CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ DANH HIỆU THI ĐUA

(Ban hành kèm theo Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ)

Mẫu 2.1. Bằng "Huân chương Sao vàng"
Mẫu 2.2. Bằng "Huân chương Hồ Chí Minh"
Mẫu 2.3. Bằng "Huân chương Độc lập" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba
Mẫu 2.4. Bằng "Huân chương Quân công" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba
Mẫu 2.5. Bằng "Huân chương Lao động" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba
Mẫu 2.6. Bằng "Huân chương Chiến công" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba
Mẫu 2.7. Bằng "Huân chương Bảo vệ tổ quốc" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba
Mẫu 2.8. Bằng "Huân chương Dũng cảm"
Mẫu 2.9. Bằng "Huân chương Đại đoàn kết dân tộc"
Mẫu 2.10. Bằng "Huân chương Hữu nghị"
Mẫu 2.11. Bằng "Huy chương Quân kỳ quyết thắng"
Mẫu 2.12. Bằng "Huy chương Vì an ninh tổ quốc"
Mẫu 2.13. Bằng "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang" hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba
Mẫu 2.14. Bằng "Huy chương Hữu nghị"
Mẫu 2.15. Bằng "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"
Mẫu 2.16. Bằng "Anh hùng Lực lượng Vũ trang"
Mẫu 2.17. Bằng "Anh hùng Lao động"
Mẫu 2.18. Bằng "Tỉnh anh hùng"
Mẫu 2.19. Bằng "Thành phố anh hùng"
Mẫu 2.20. Bằng "Nhà giáo Nhân dân"
Mẫu 2.21. Bằng "Nhà giáo Ưu tú"
Mẫu 2.22. Bằng "Thầy thuốc Nhân dân"
Mẫu 2.23. Bằng "Thầy thuốc Ưu tú"
Mẫu 2.24. Bằng "Nghệ sĩ Nhân dân"
Mẫu 2.25. Bằng "Nghệ sĩ Ưu tú"
Mẫu 2.26. Bằng "Nghệ nhân Nhân dân"
Mẫu 2.27. Bằng "Nghệ nhân Ưu tú"
Mẫu 2.28. Bằng "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"
Mẫu 2.29. Bằng "Giải thưởng Hồ Chí Minh"
Mẫu 2.30. Bằng "Giải thưởng Nhà nước"
Mẫu 2.31. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Mẫu 2.1

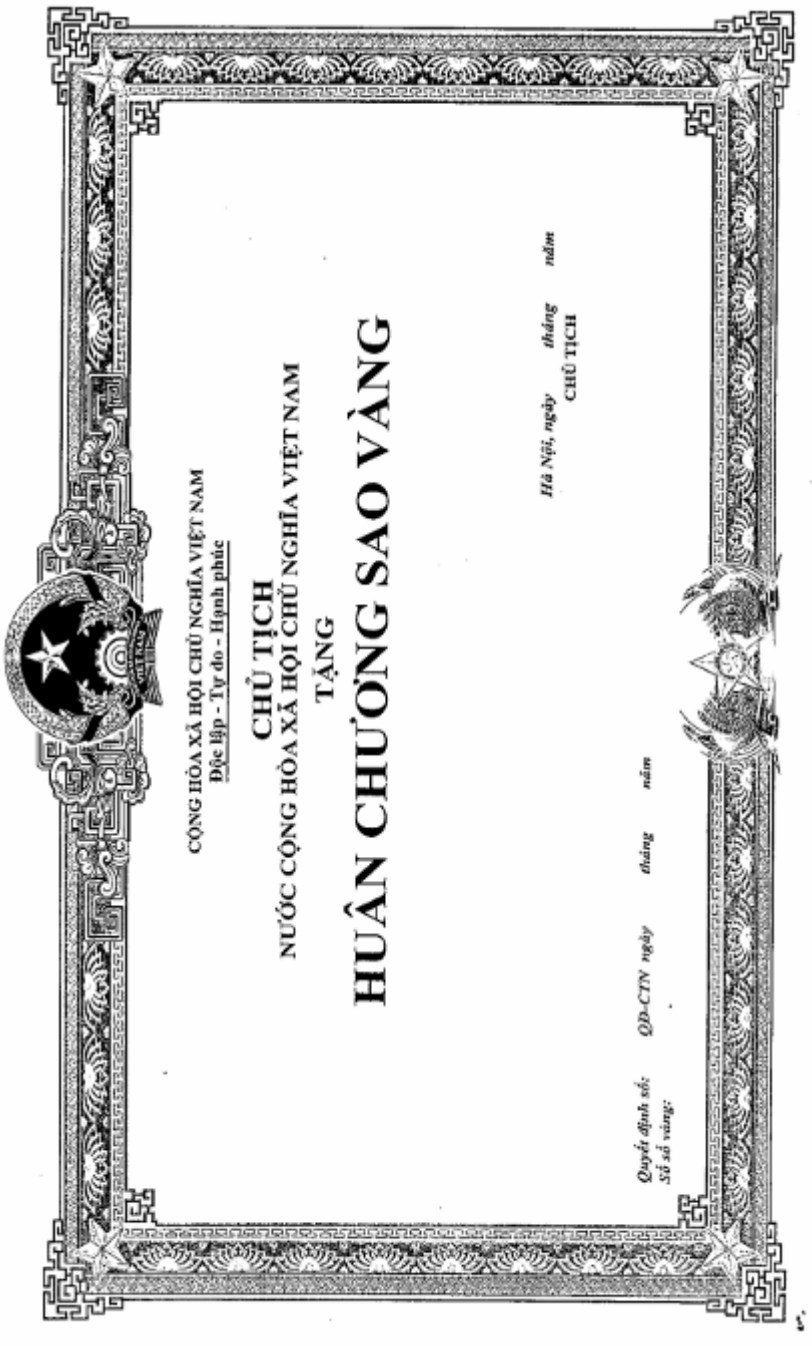

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG

HUÂN CHƯƠNG SAO VÀNG

Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH

Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Sổ sổ vàng:

Mẫu 2.2

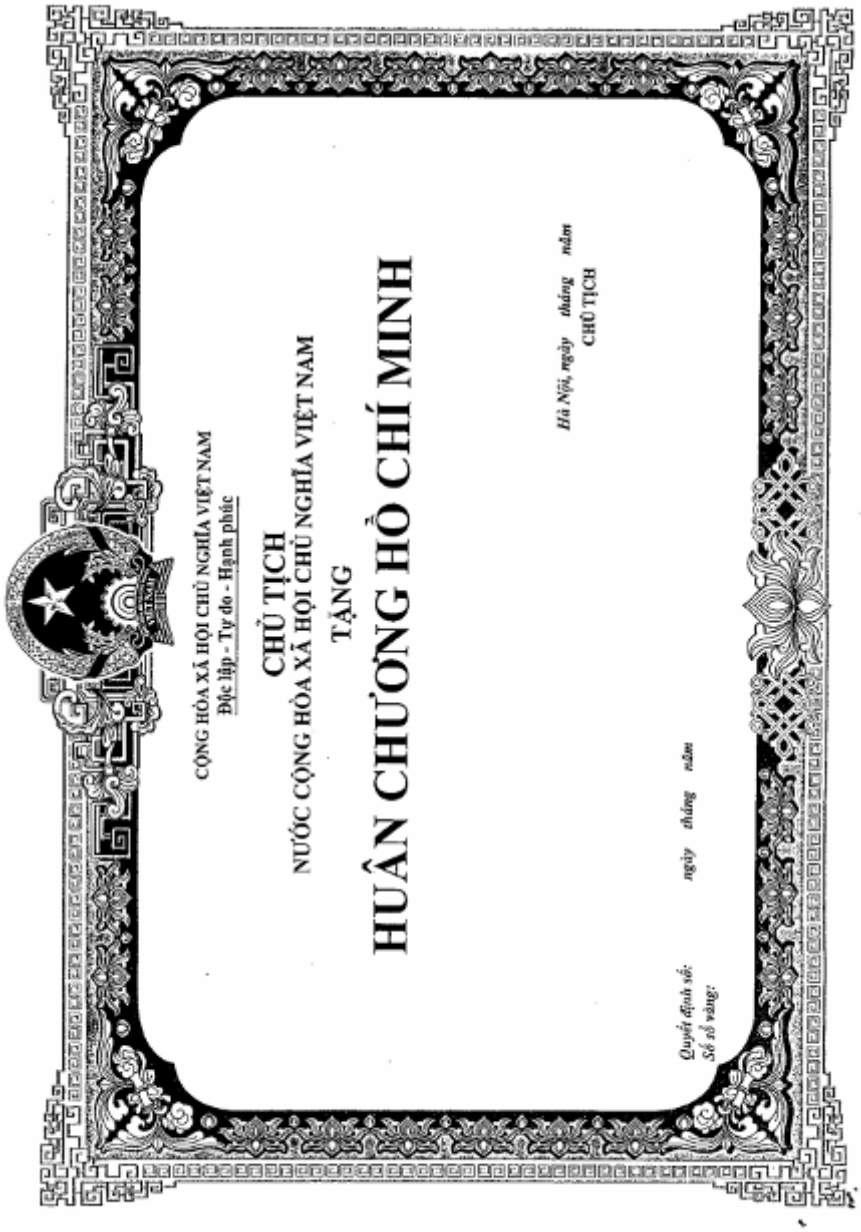
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: ngày tháng năm
Sổ số vàng:

Mẫu 2.3

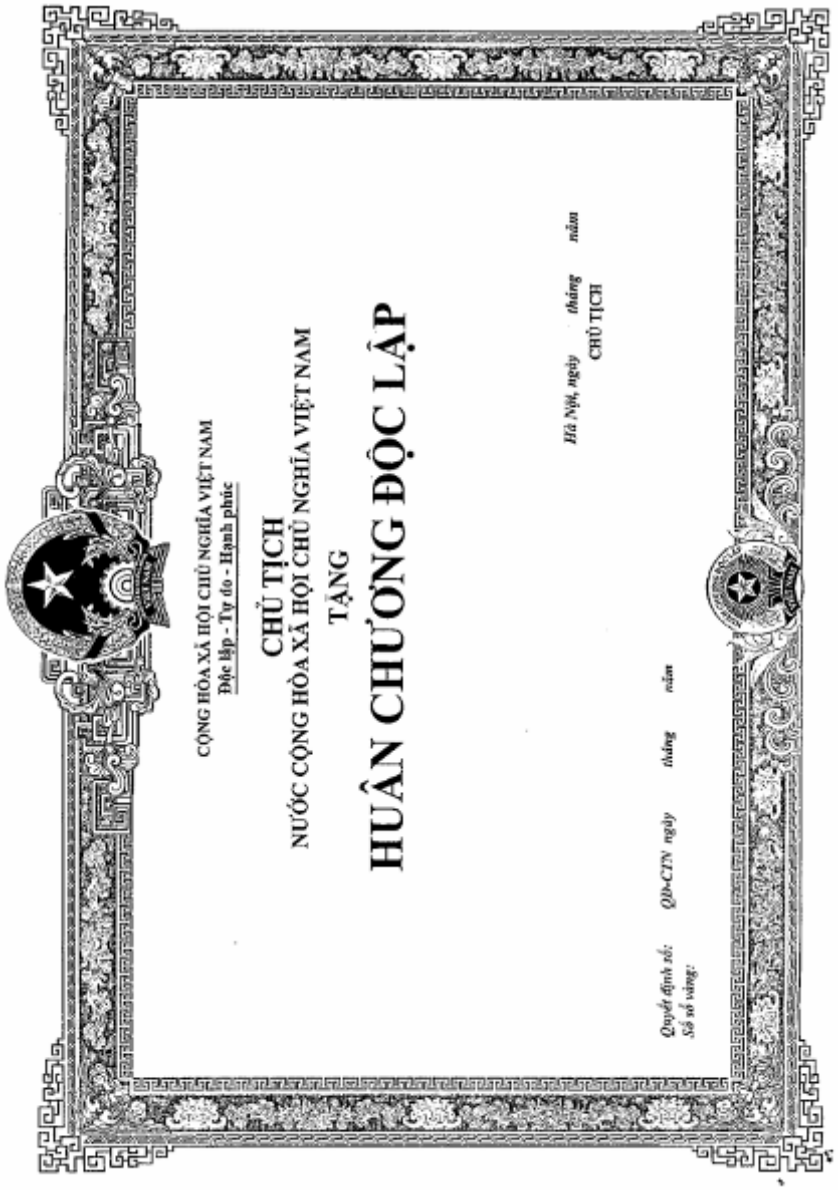
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Sổ số vàng:

Mẫu số 2.4

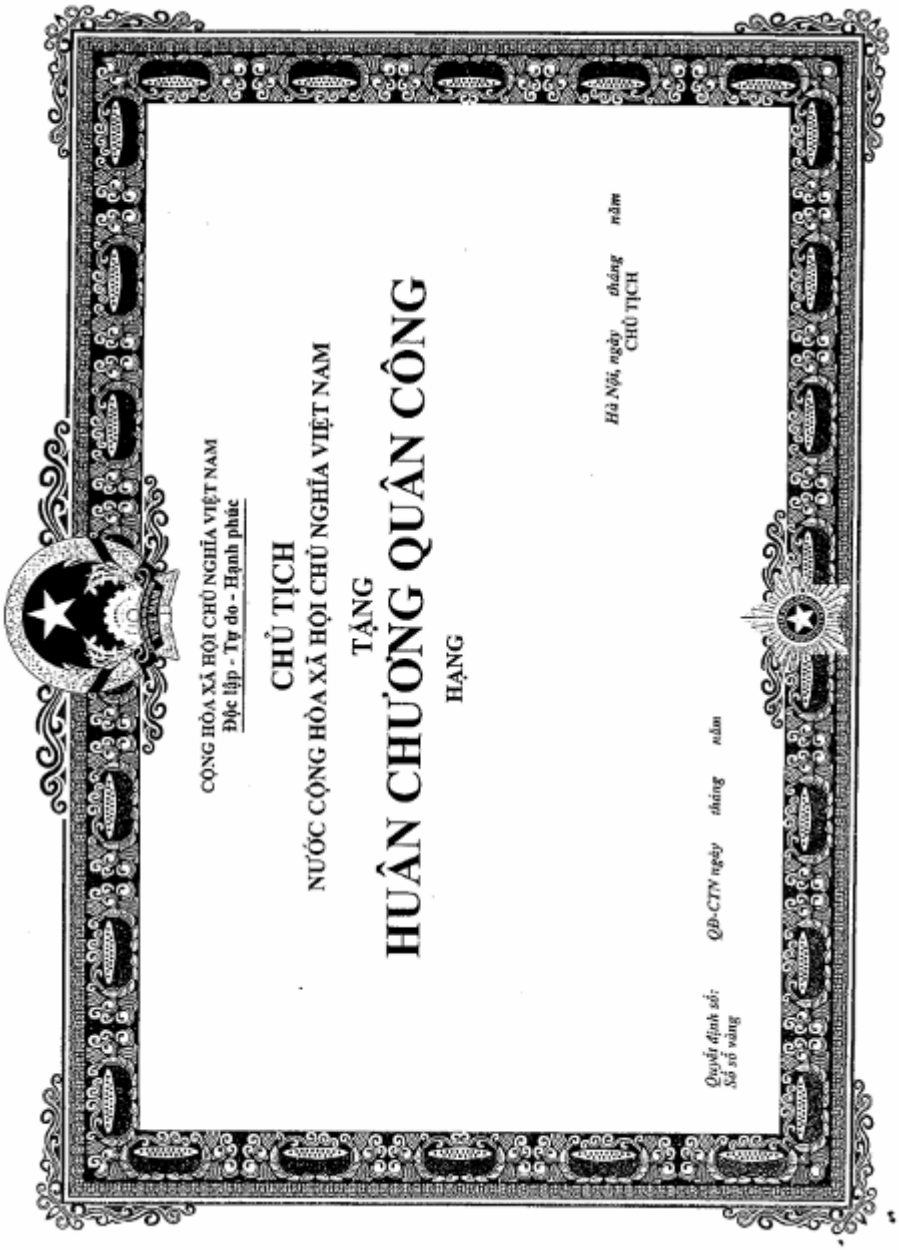
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG QUÂN CÔNG
HẠNG
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Sổ sổ vàng

Mẫu số 2.5

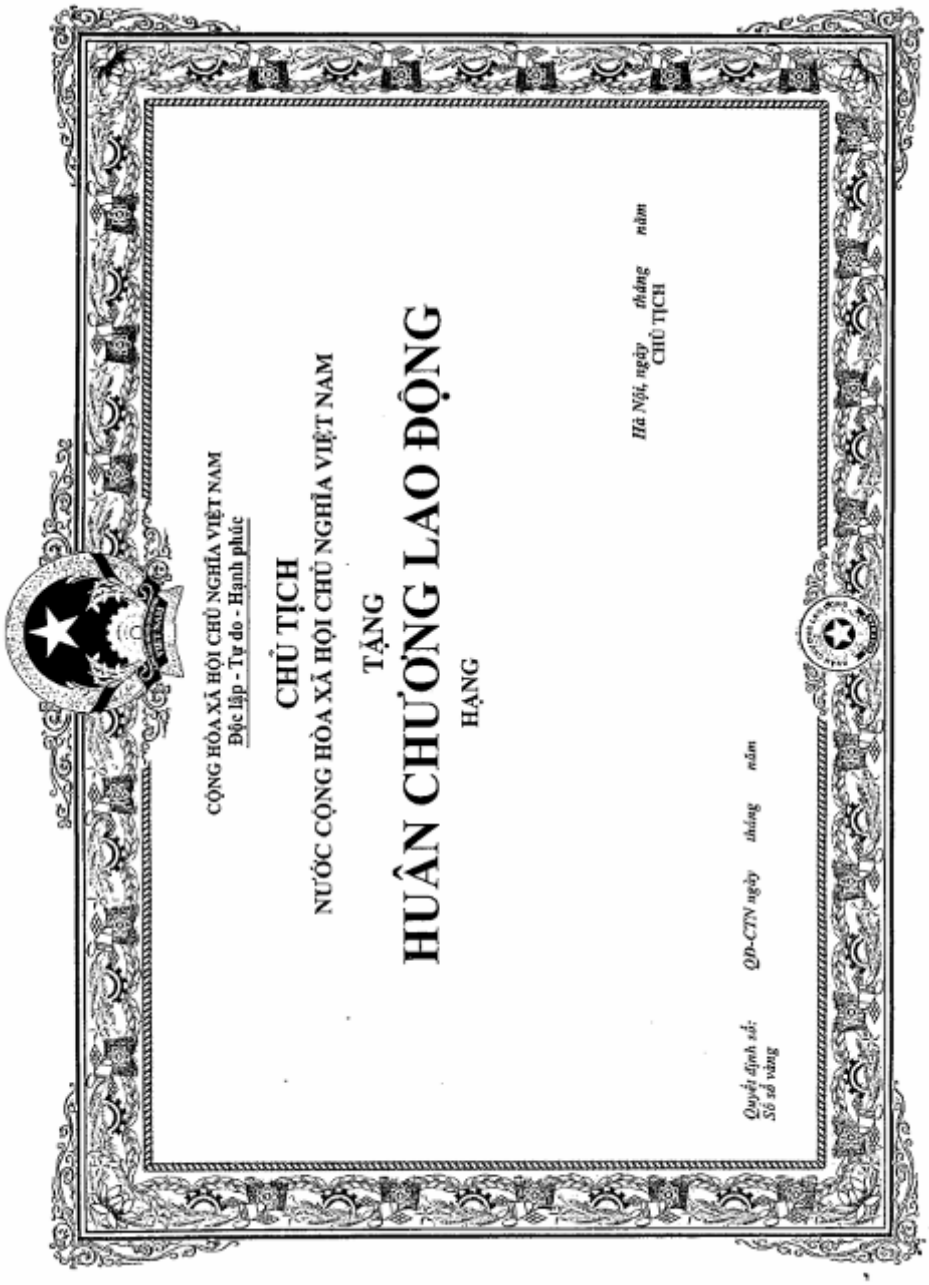
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Số sổ vàng

Mẫu 2.6

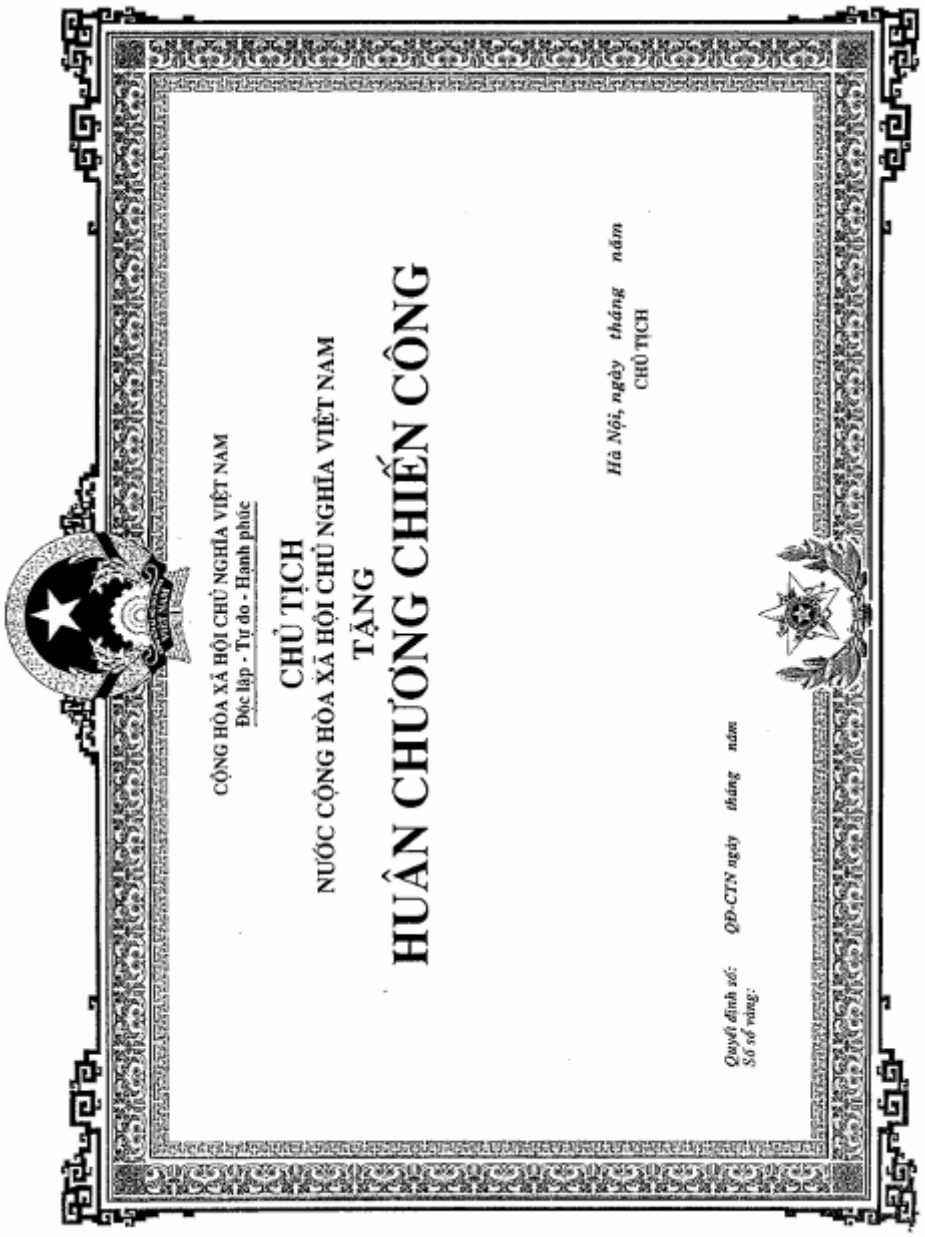
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG CHIẾN CÔNG
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Số sổ vàng:

Mẫu 2.7

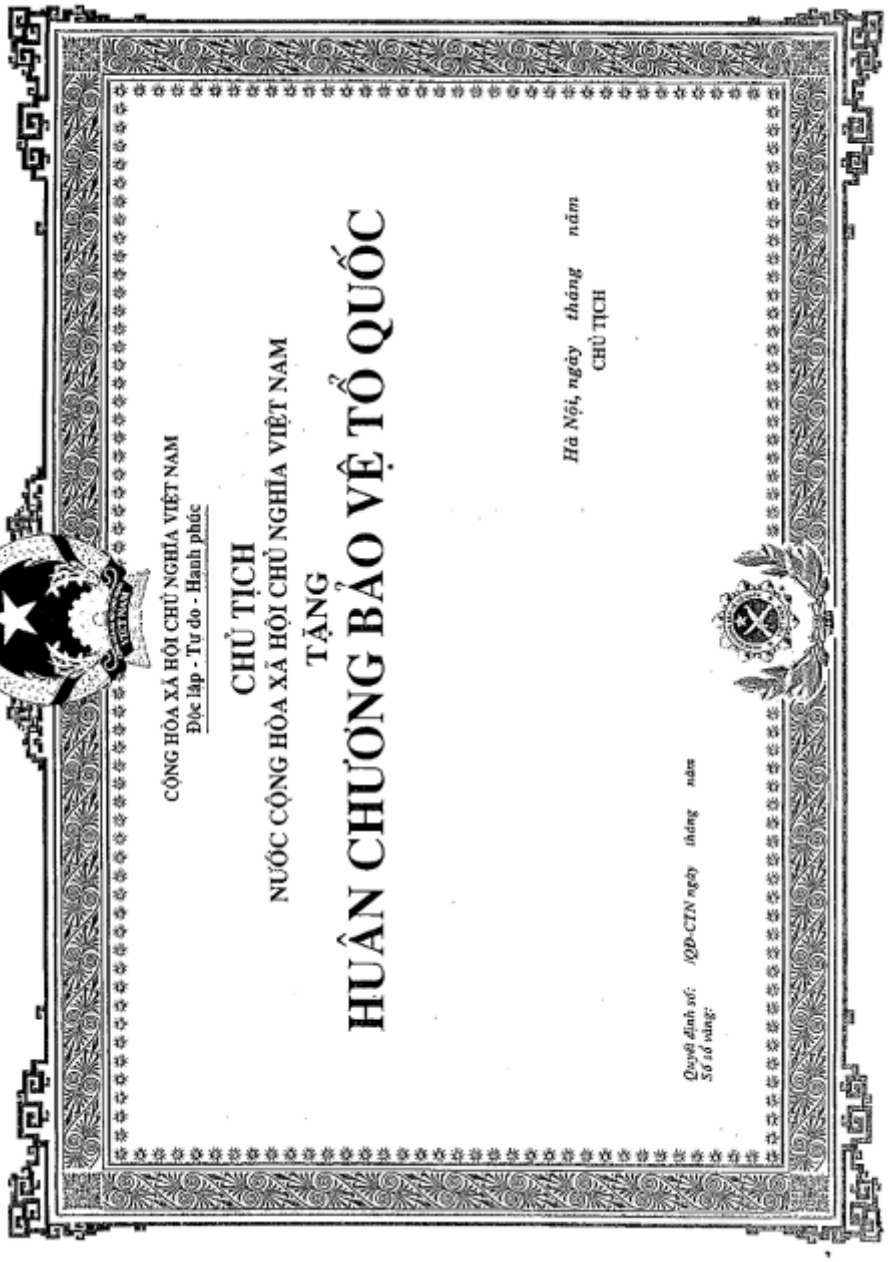
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG BẢO VỆ TỔ QUỐC
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: /QĐ-CTN ngày tháng năm
Số sổ vàng:

Mẫu số 2.8

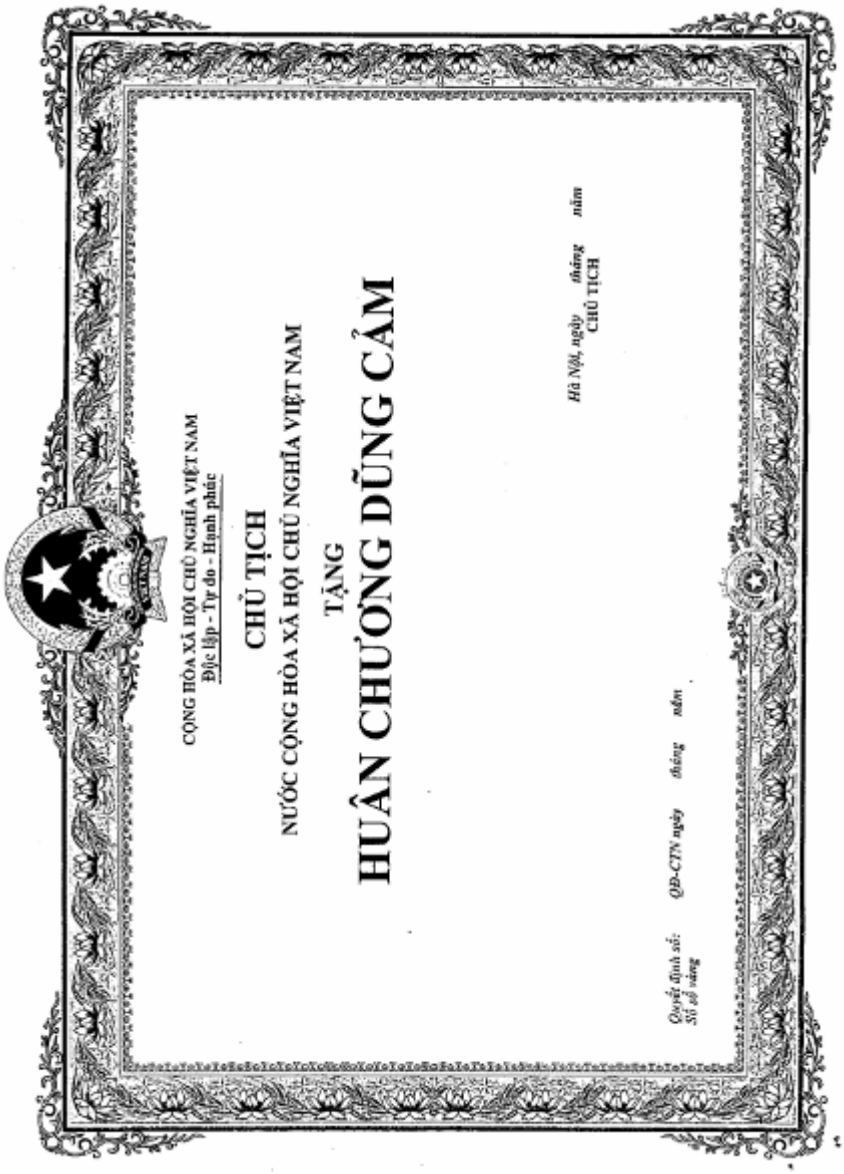
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG DŨNG CẢM
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Số sổ vàng

Mẫu số 2.9

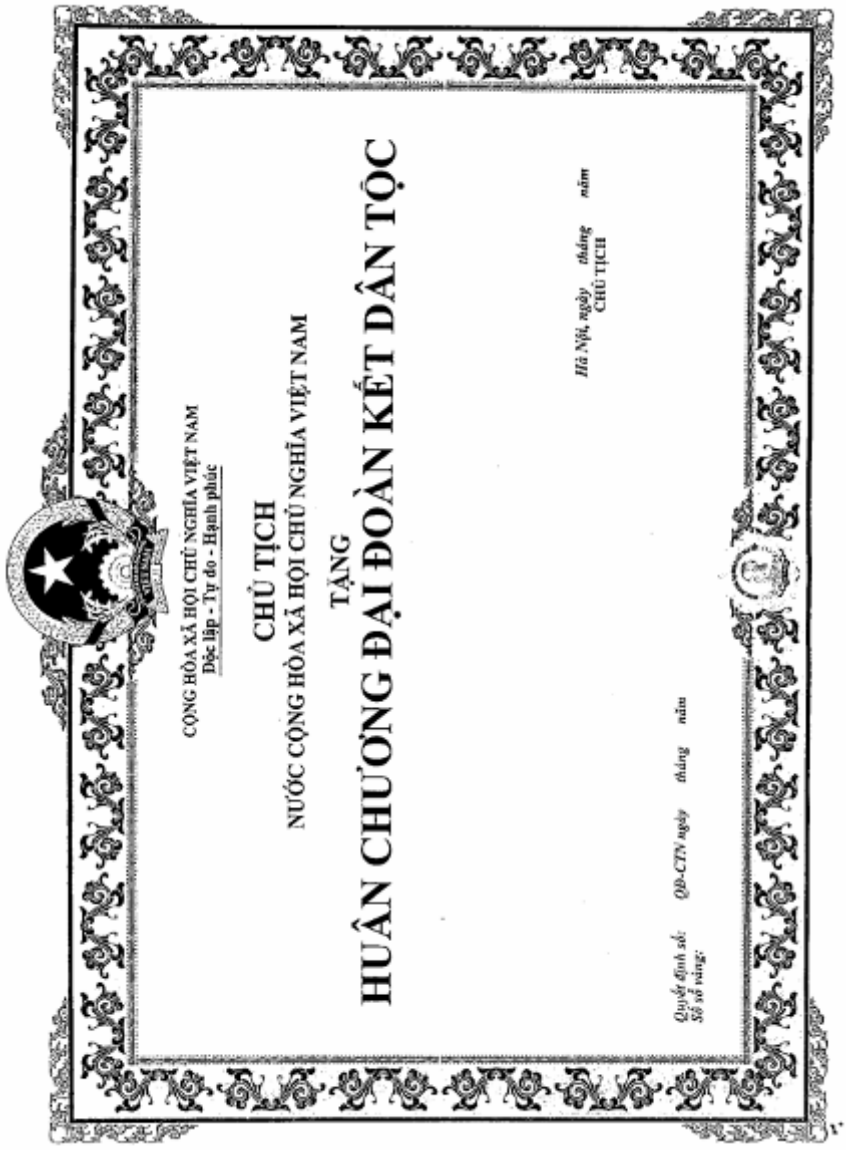
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Sổ số vàng:

Mẫu 2.10

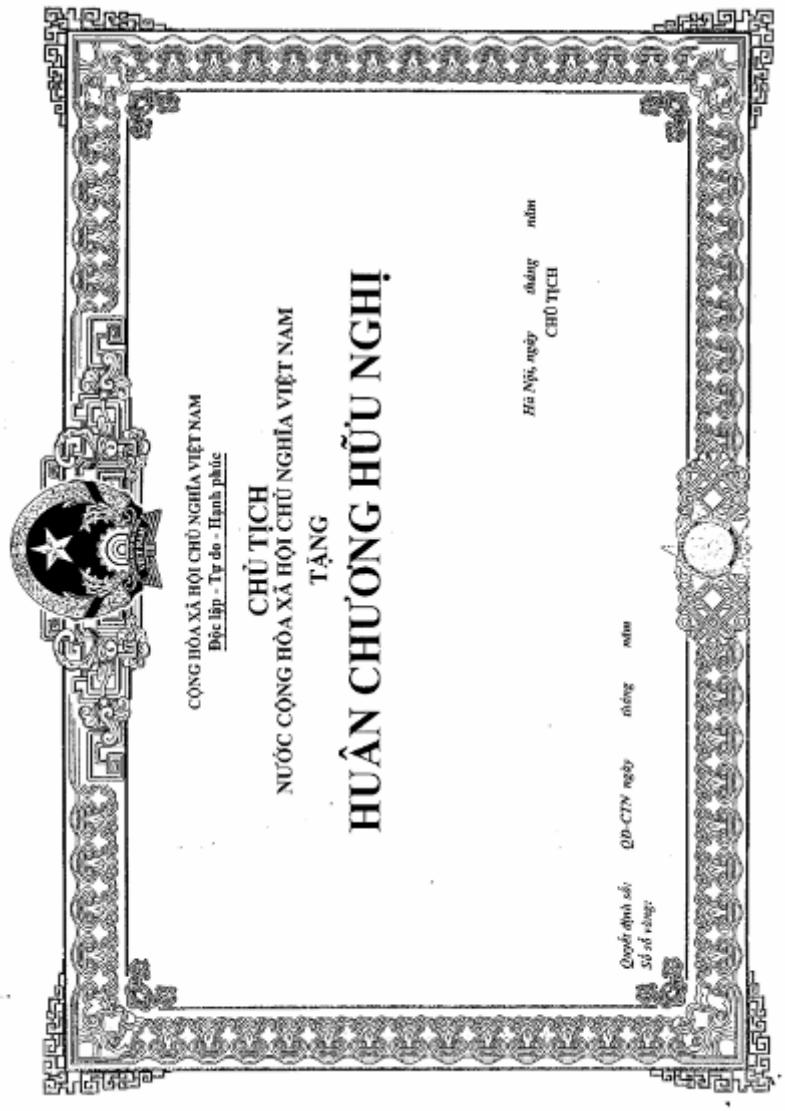
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUÂN CHƯƠNG HỮU NGHỊ
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: Q0-CTN ngày tháng năm
Sổ số vàng:

Mẫu 2.11

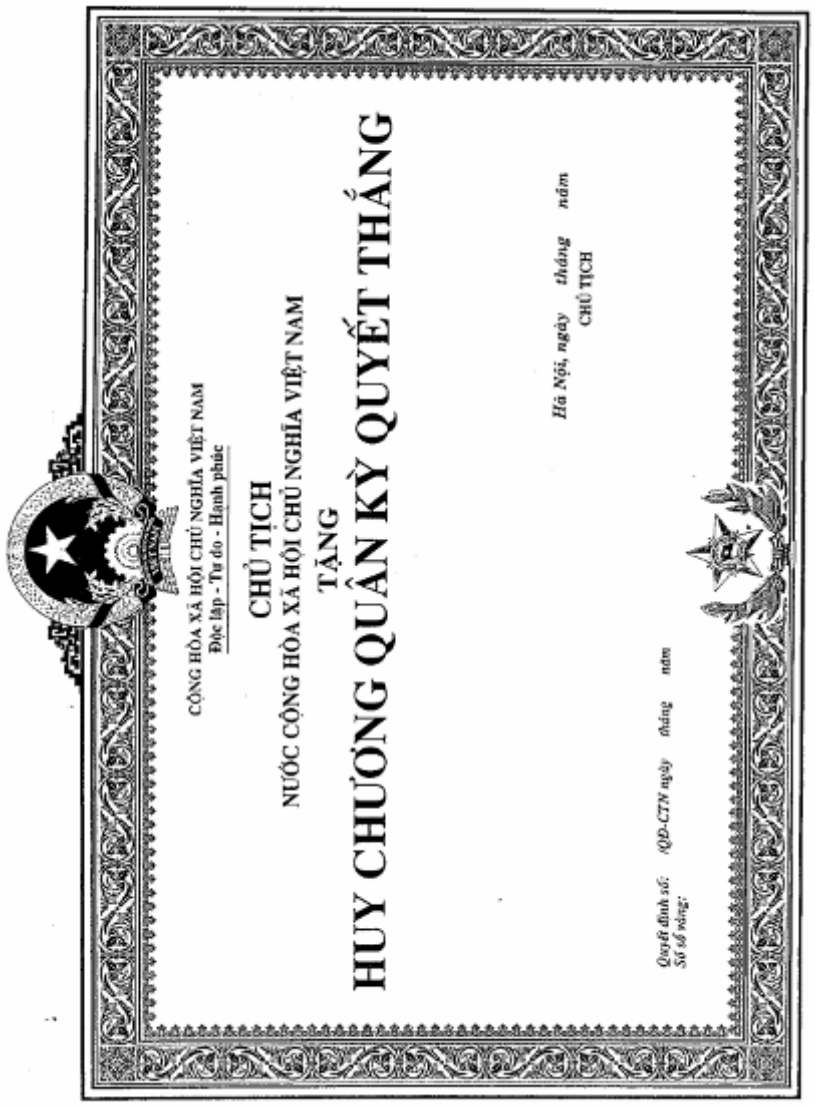
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUY CHƯƠNG QUÂN KỲ QUYẾT THẮNG
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: /QĐ-CTN ngày tháng năm
Số sổ vàng:

Mẫu 2.12

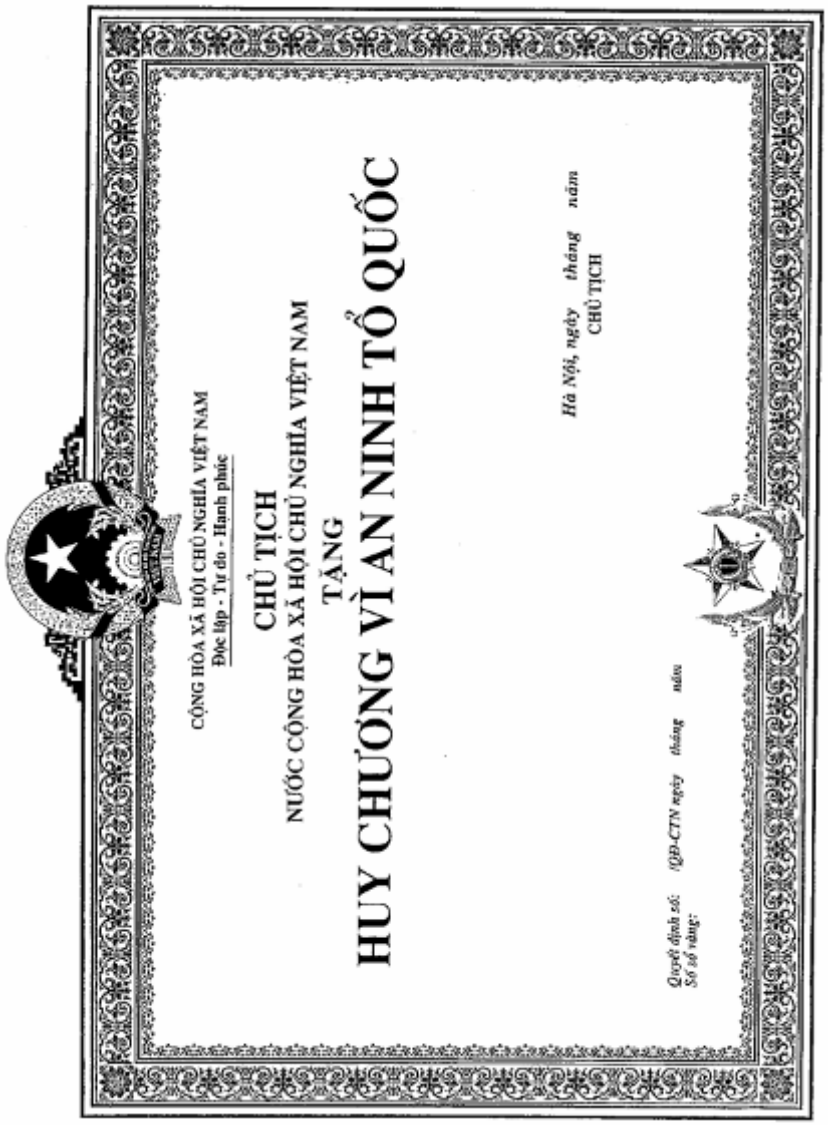
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUY CHƯƠNG VÌ AN NINH TỔ QUỐC
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: /QĐ-CTN ngày tháng năm
Số sổ vàng:

Mẫu 2.13

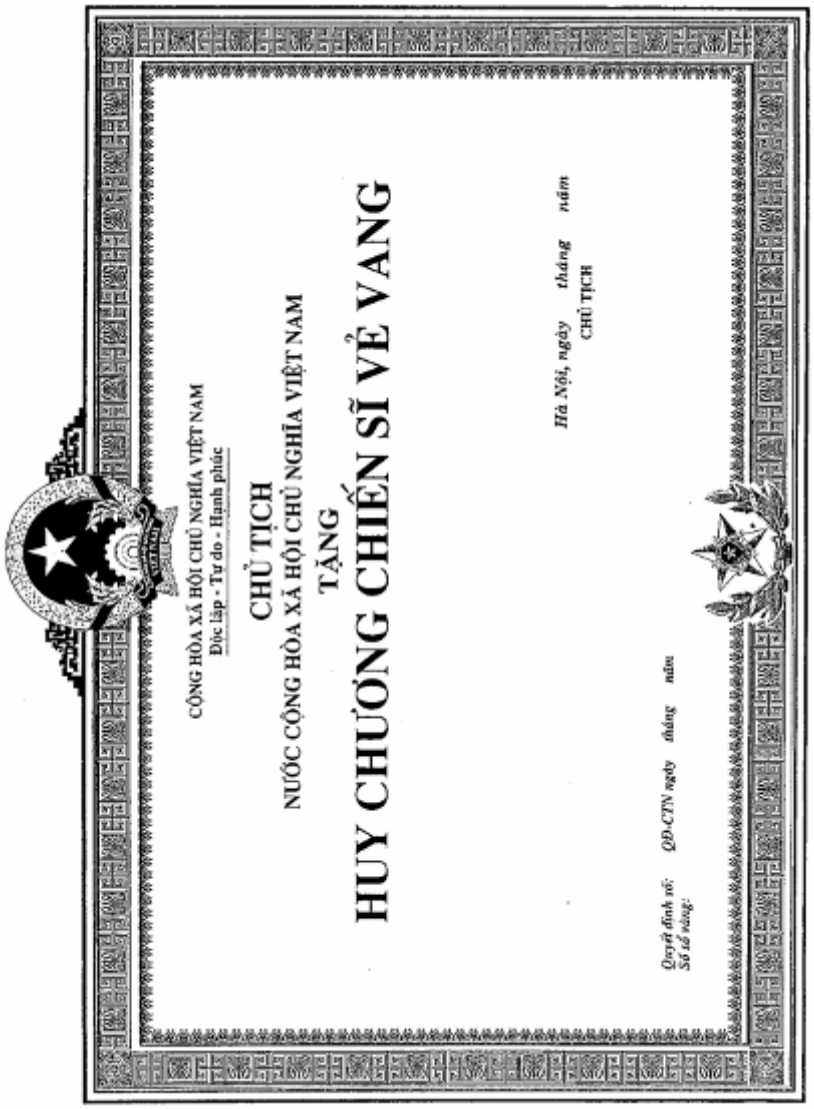
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VẺ VANG
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Số sổ vàng:

Mẫu 2.14

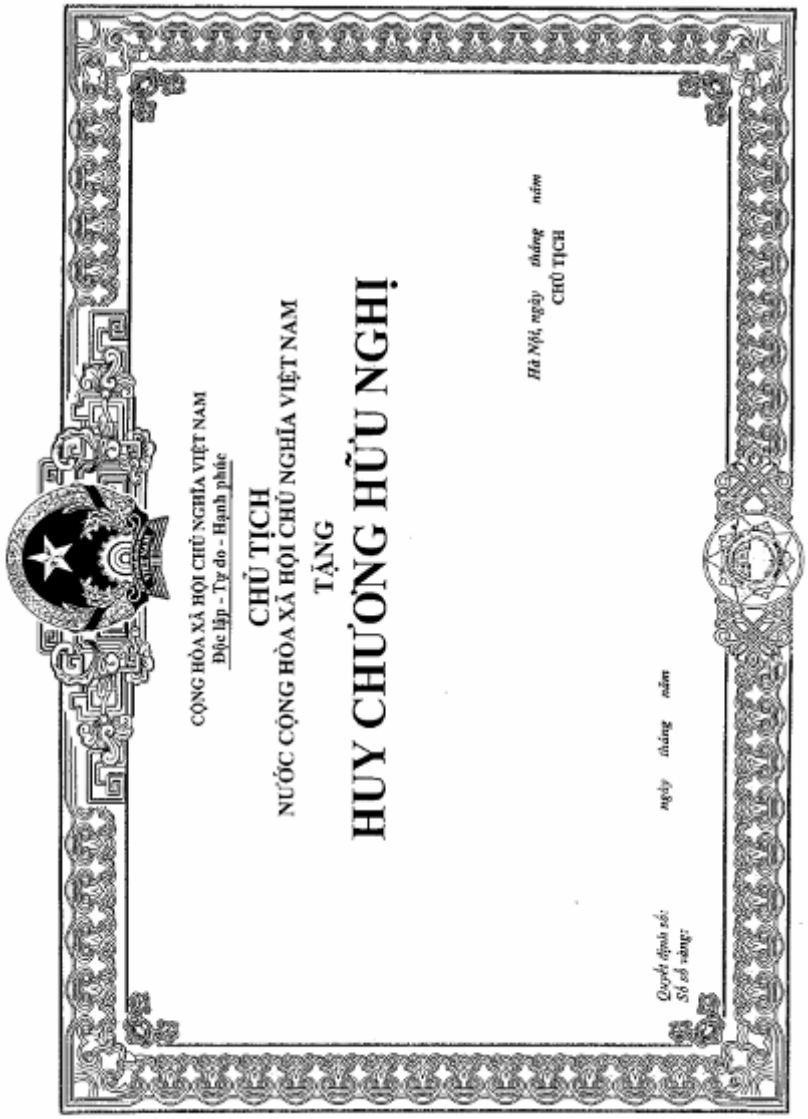
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
HUY CHƯƠNG HỮU NGHỊ
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số:
Số cấp vàng:
ngày tháng năm

Mẫu số 2.15

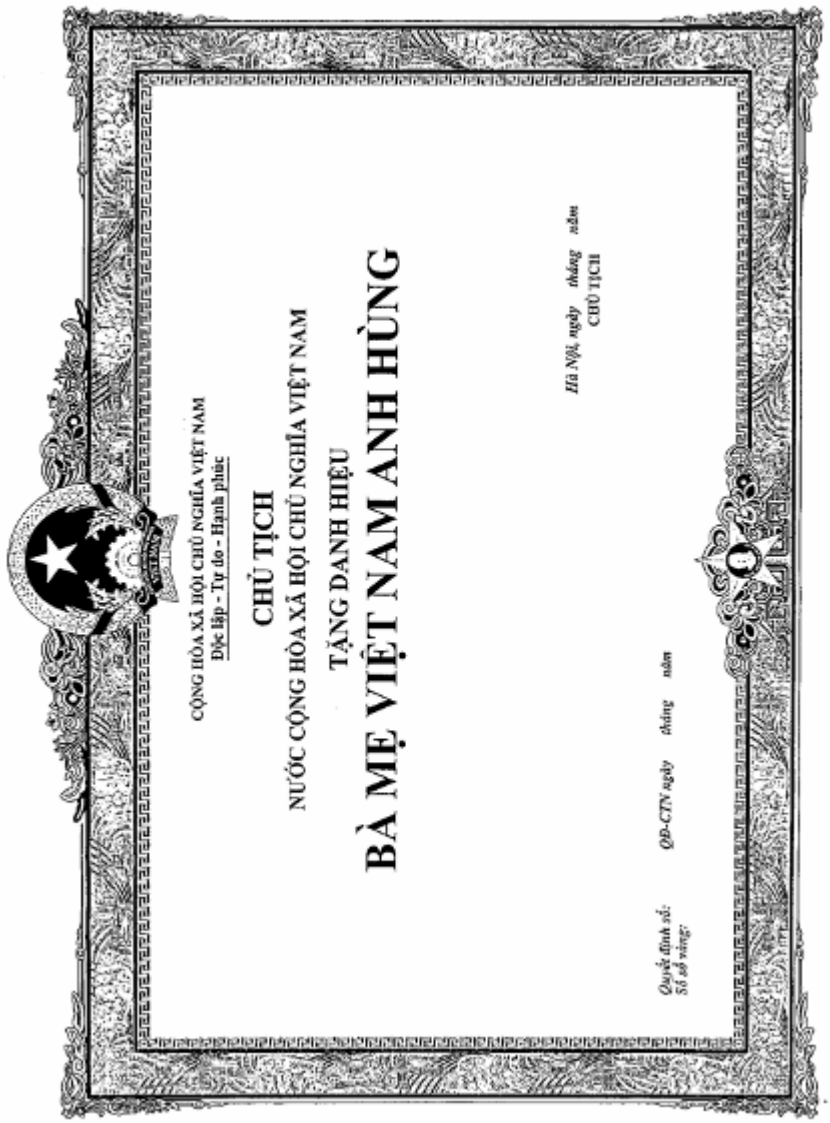
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG DANH HIỆU
BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số:
Sổ sổ vàng:
QĐ-CTN ngày tháng năm

Mẫu số 2.16

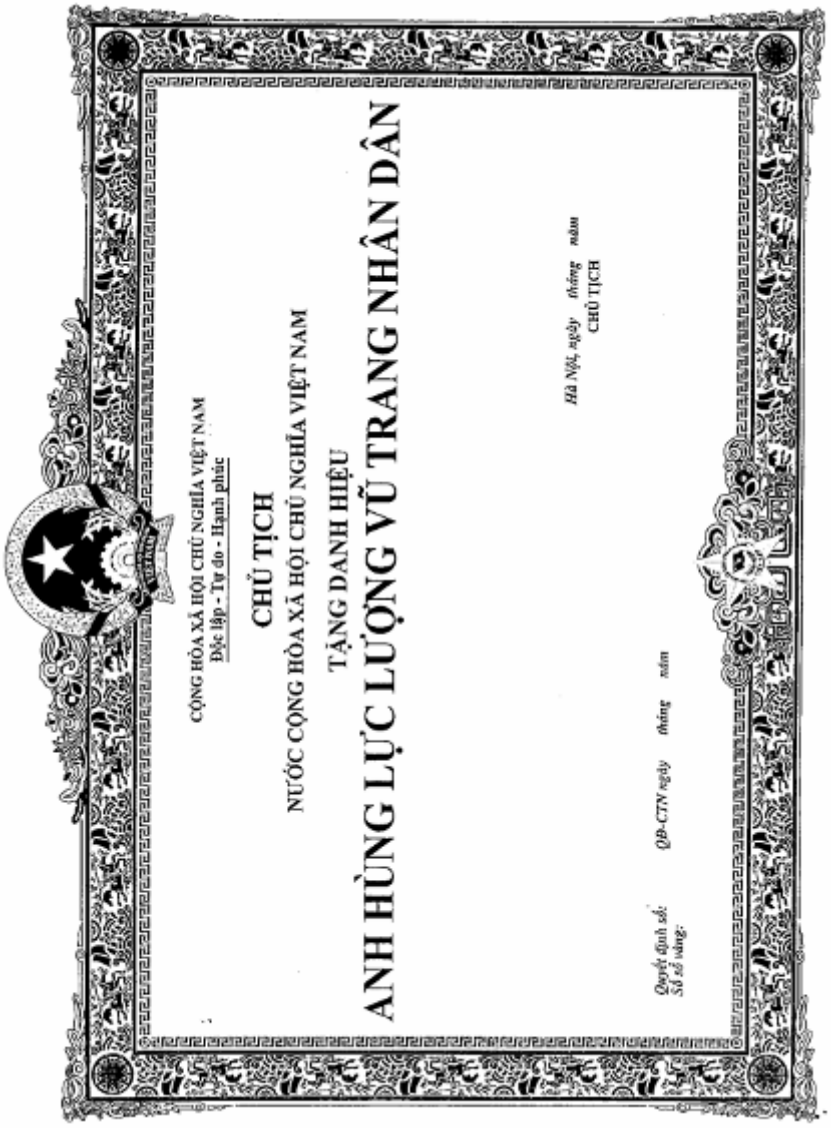
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG DANH HIỆU
ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Sổ sổ sáng:

Mẫu số 2.17

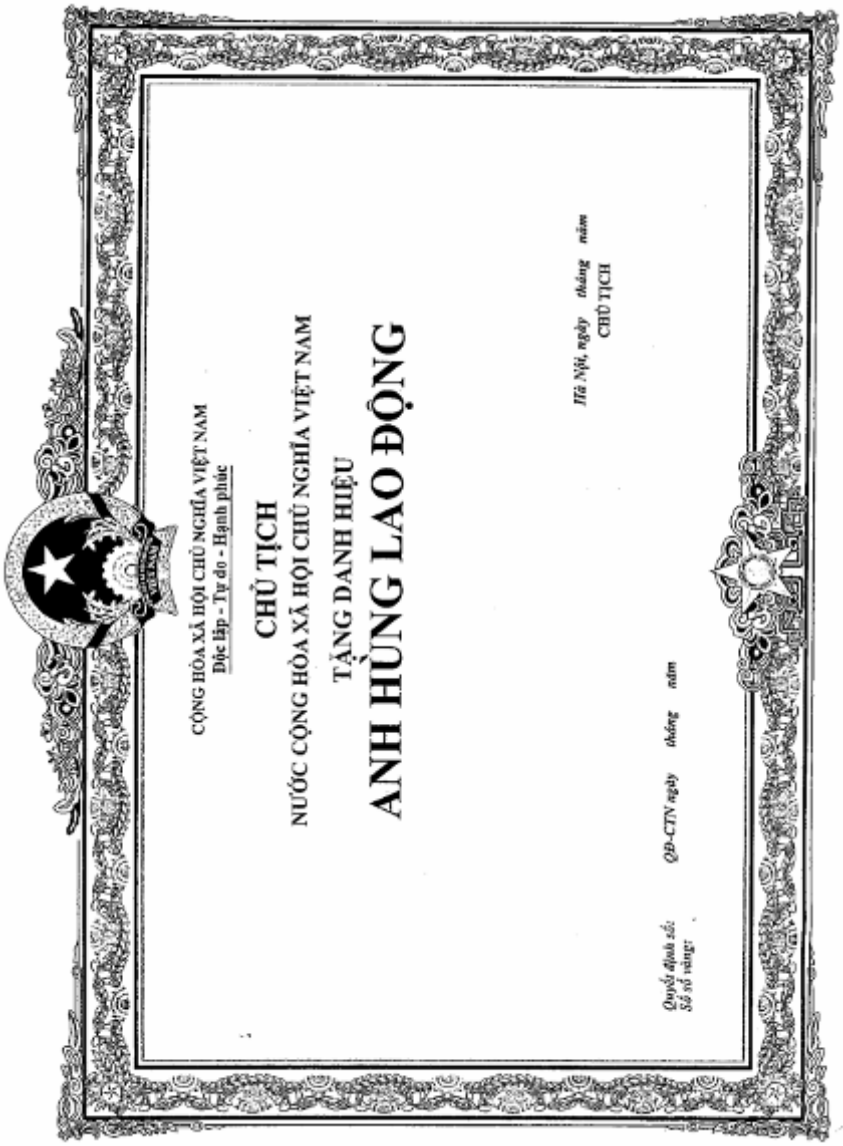
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG DANH HIỆU
ANH HÙNG LAO ĐỘNG
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số:
Sổ vỏ vàng:
QĐ-CTN ngày tháng năm

Mẫu số 2.18

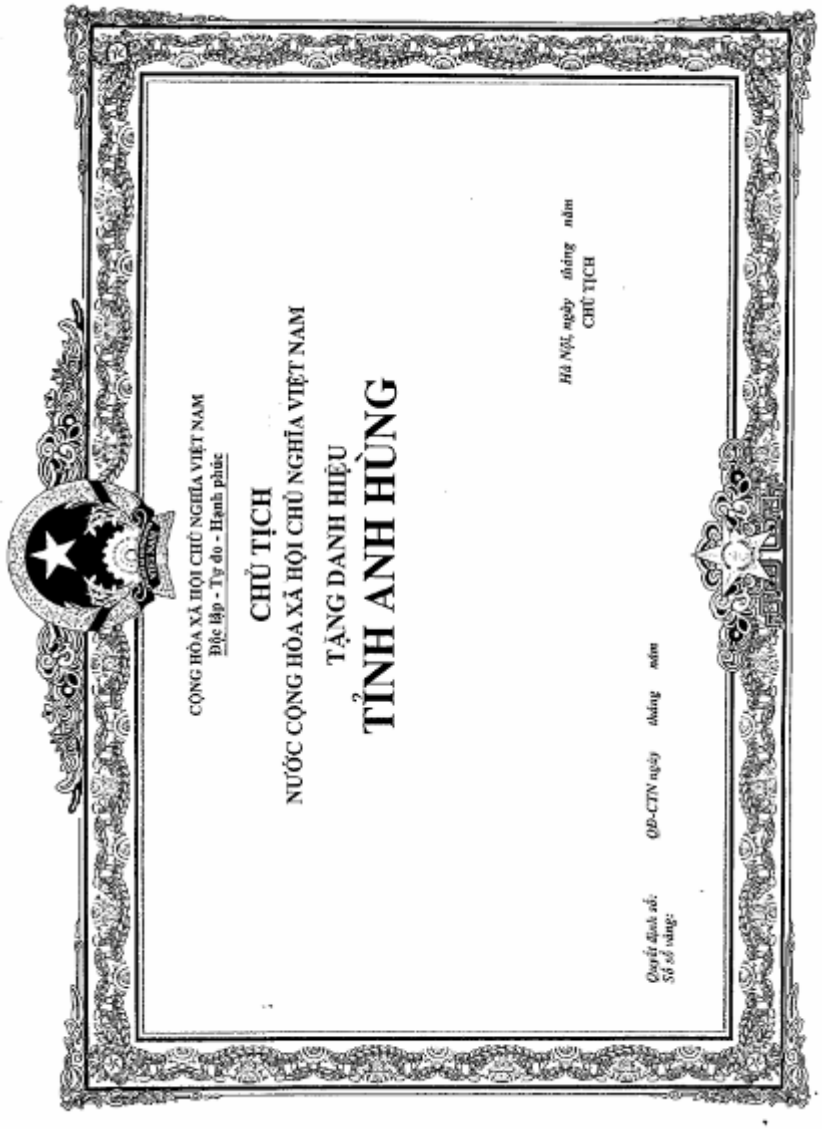
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG DANH HIỆU
TỈNH ANH HÙNG
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số:
Số sổ vàng:
QĐ-CTN ngày tháng năm

Mẫu số 2.19

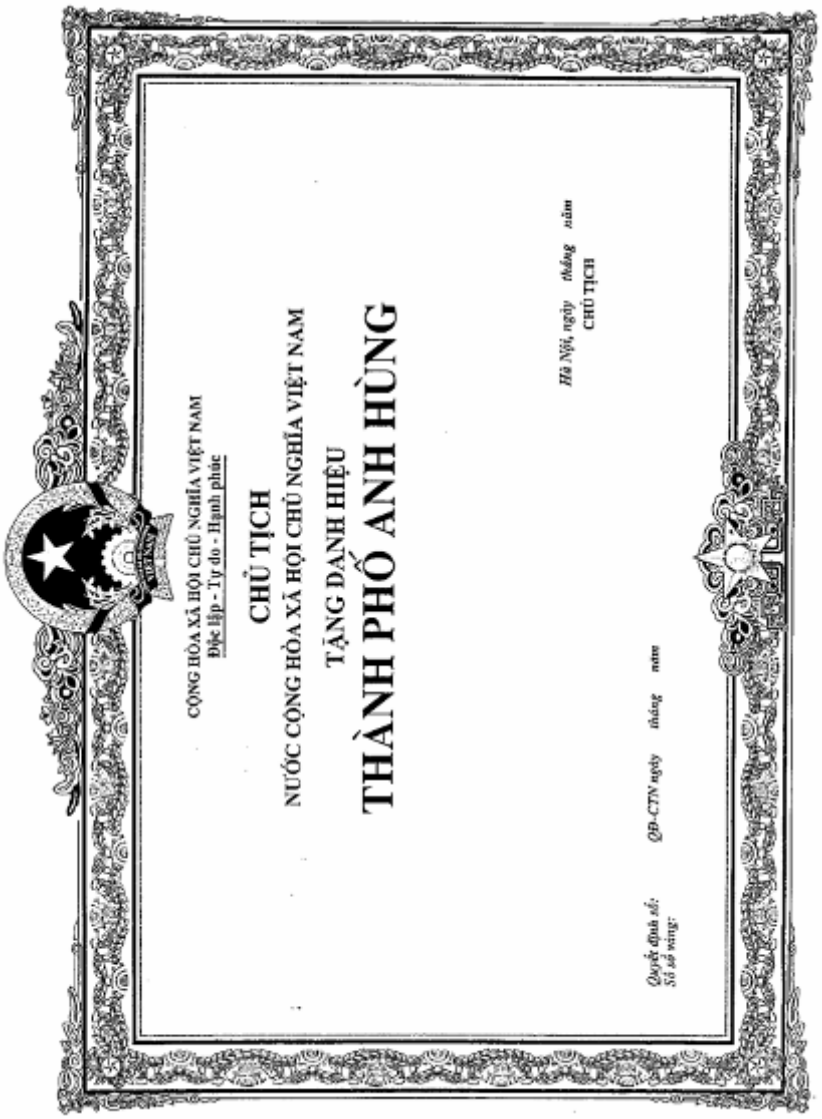

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TẶNG DANH HIỆU
THÀNH PHỐ ANH HÙNG

Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH

Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Số sổ vàng:

Mẫu số 2.20

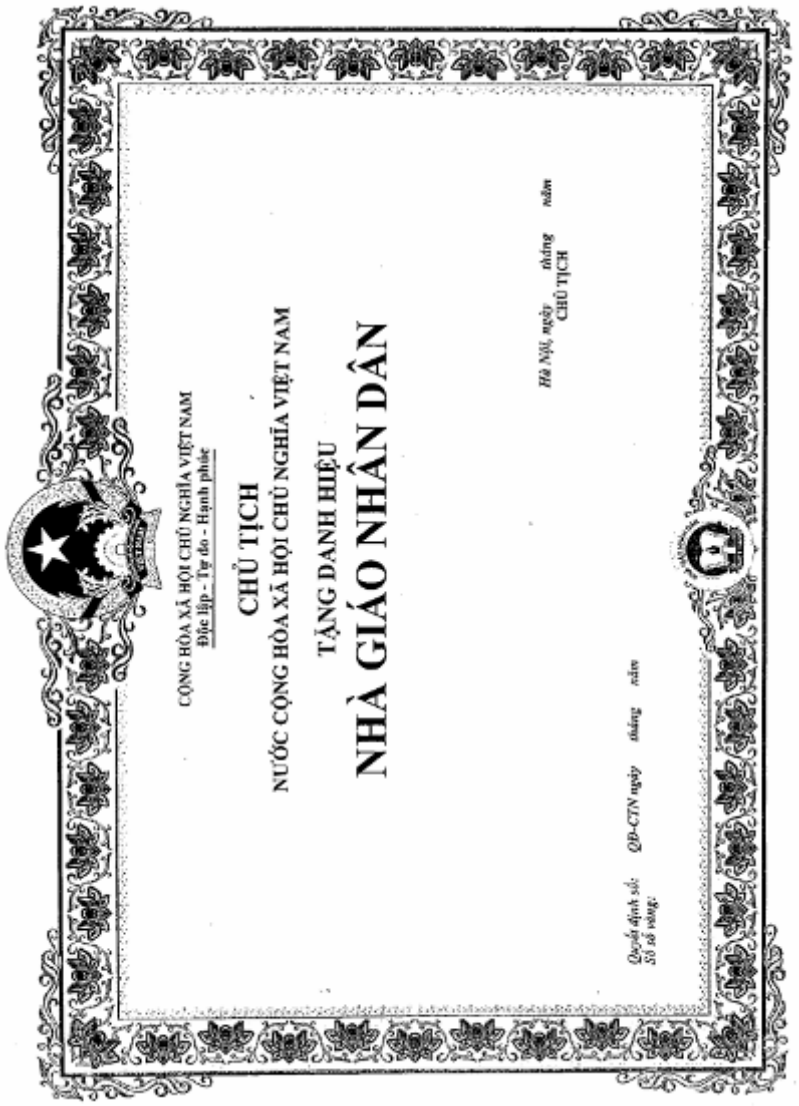
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG DANH HIỆU
NHÀ GIÁO NHÂN DÂN
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Sổ sổ vàng:

Mẫu số 2.21

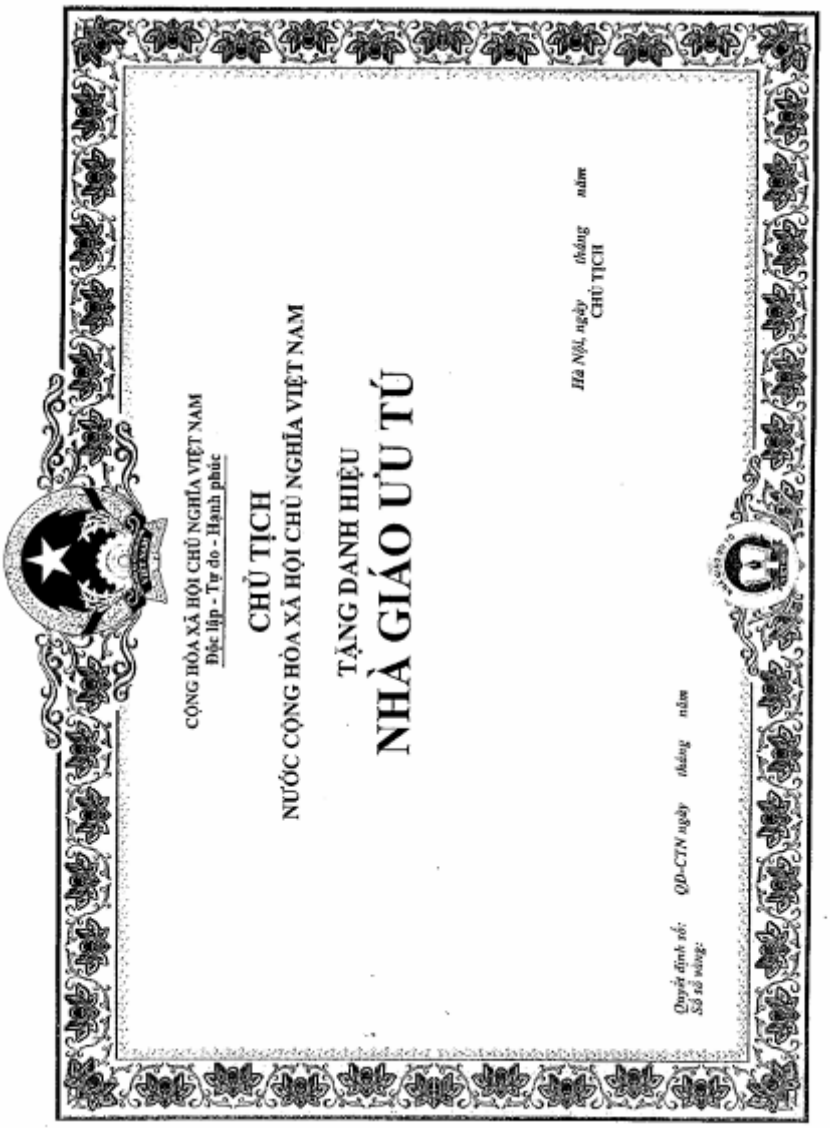
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG DANH HIỆU
NHÀ GIÁO ƯU TÚ
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Sổ sổ vàng:

Mẫu số 2.22

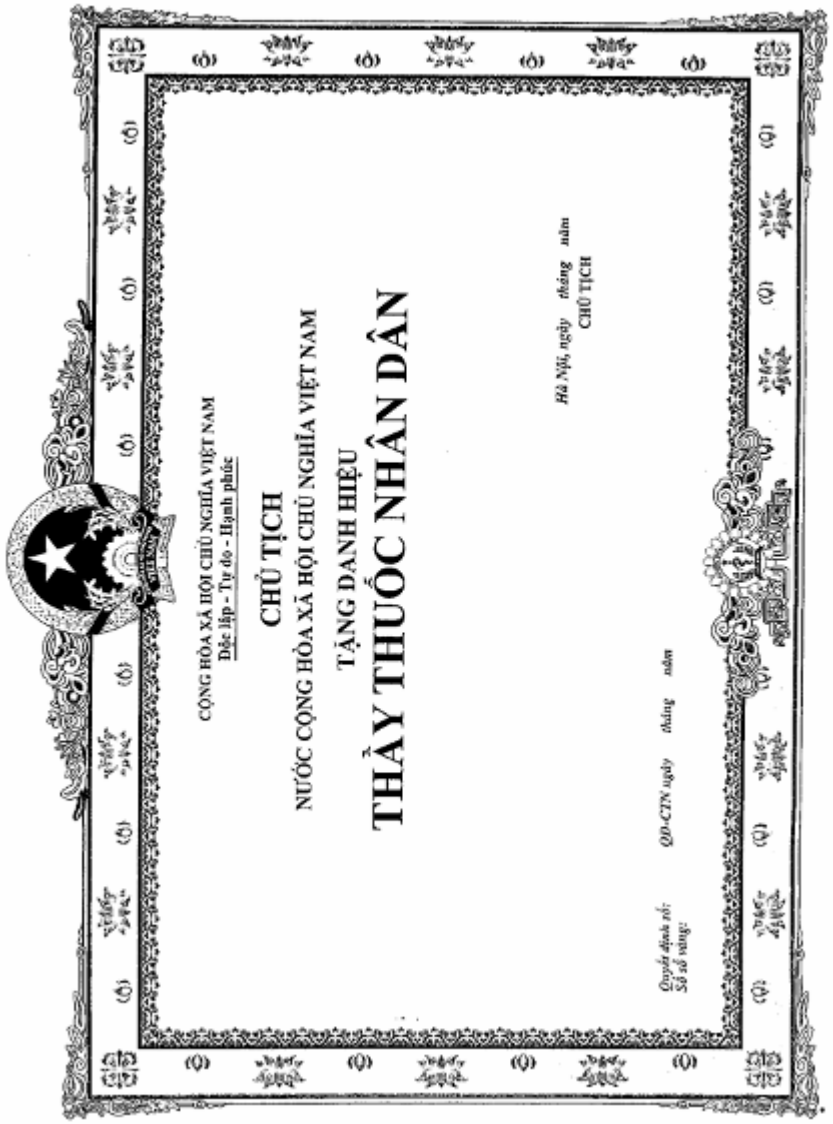
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG DANH HIỆU
THẦY THUỐC NHÂN DÂN
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Sổ sổ vàng:

Mẫu số 2.23

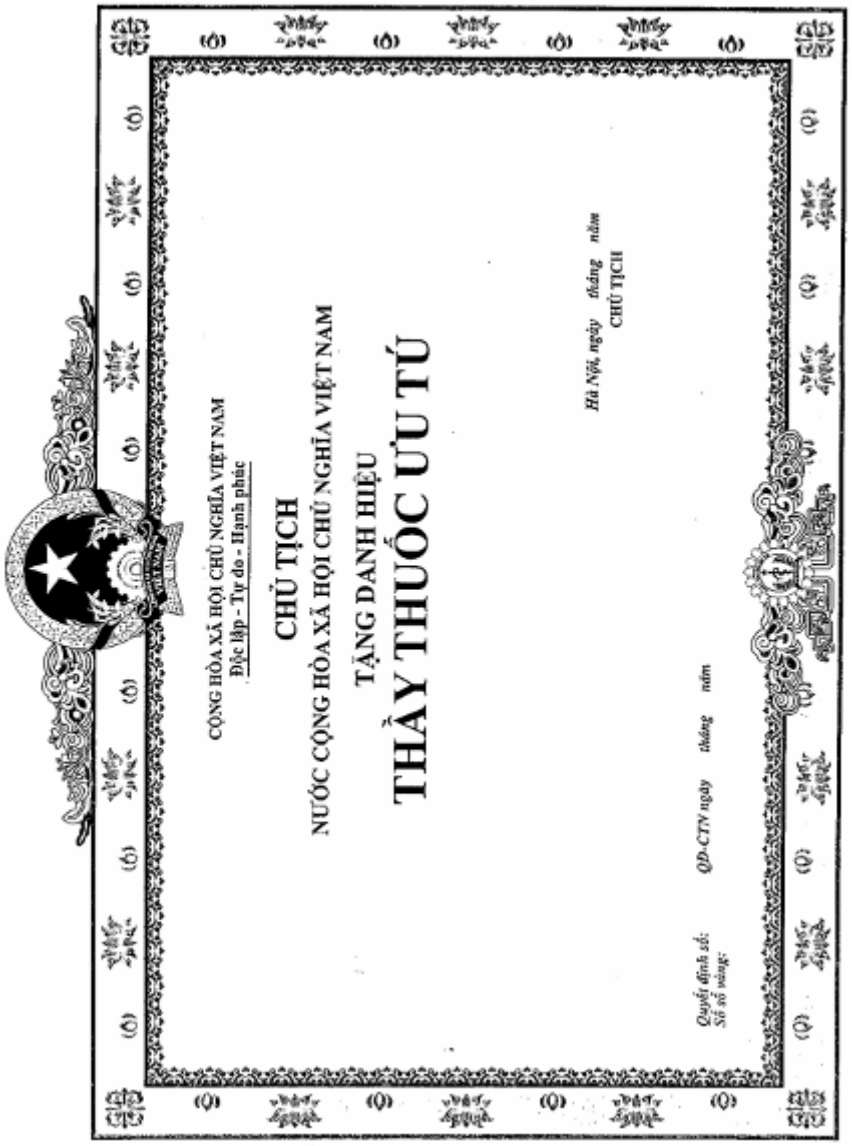
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG DANH HIỆU
THẦY THUỐC ƯU TÚ
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Sổ sổ vàng:

Mẫu số 2.24

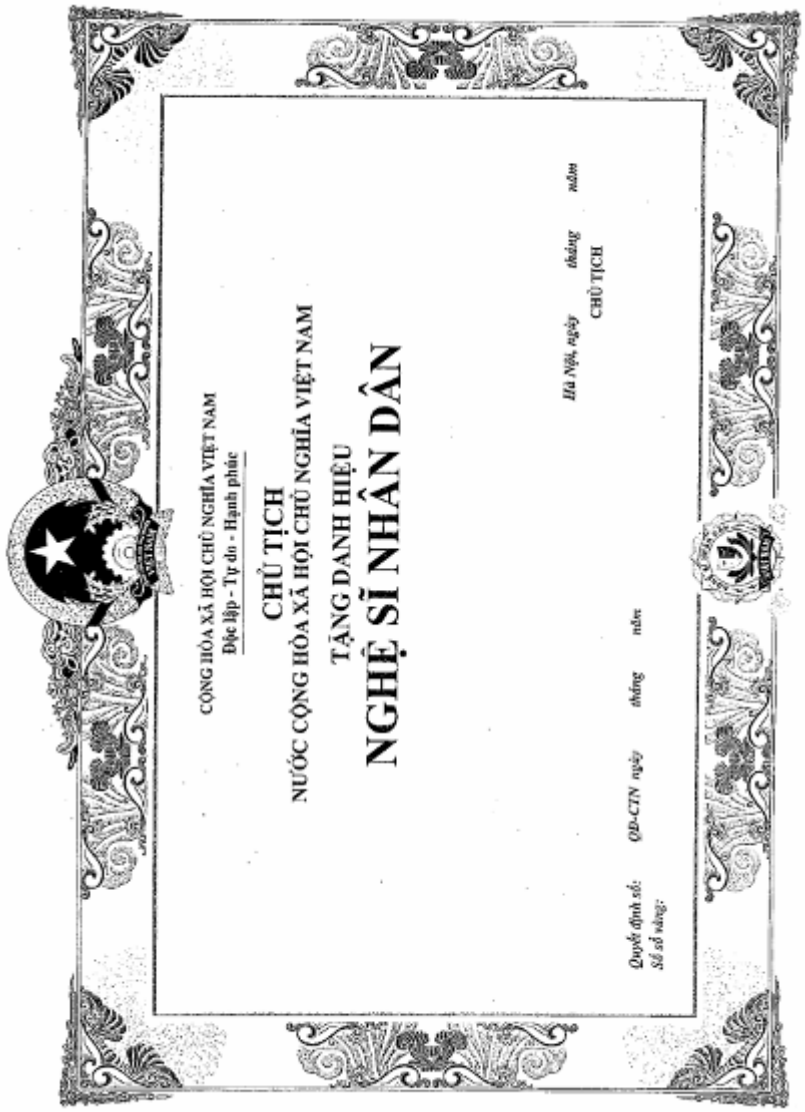
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG DANH HIỆU
NGHỆ SĨ NHÂN DÂN
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Sổ sổ vàng:

Mẫu số 2.25

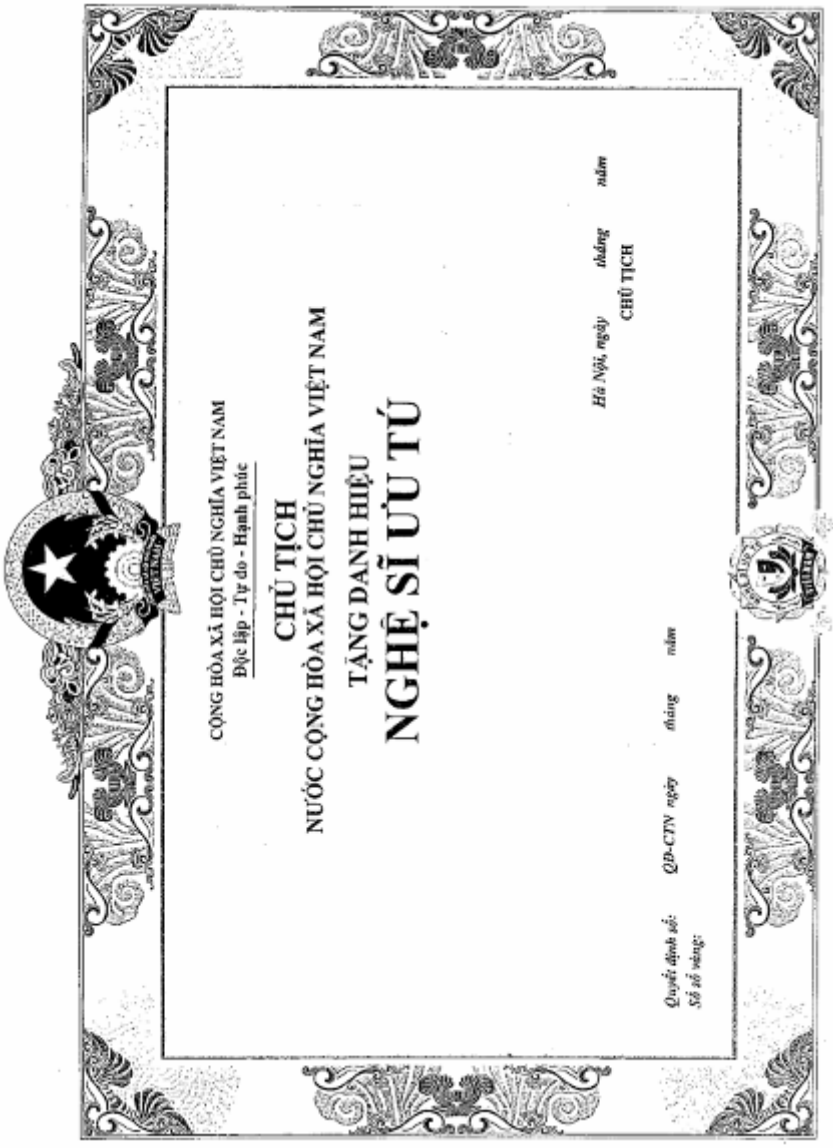
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG DANH HIỆU
NGHỆ SĨ ƯU TÚ
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Sổ sổ vàng:

Mẫu số 2.26

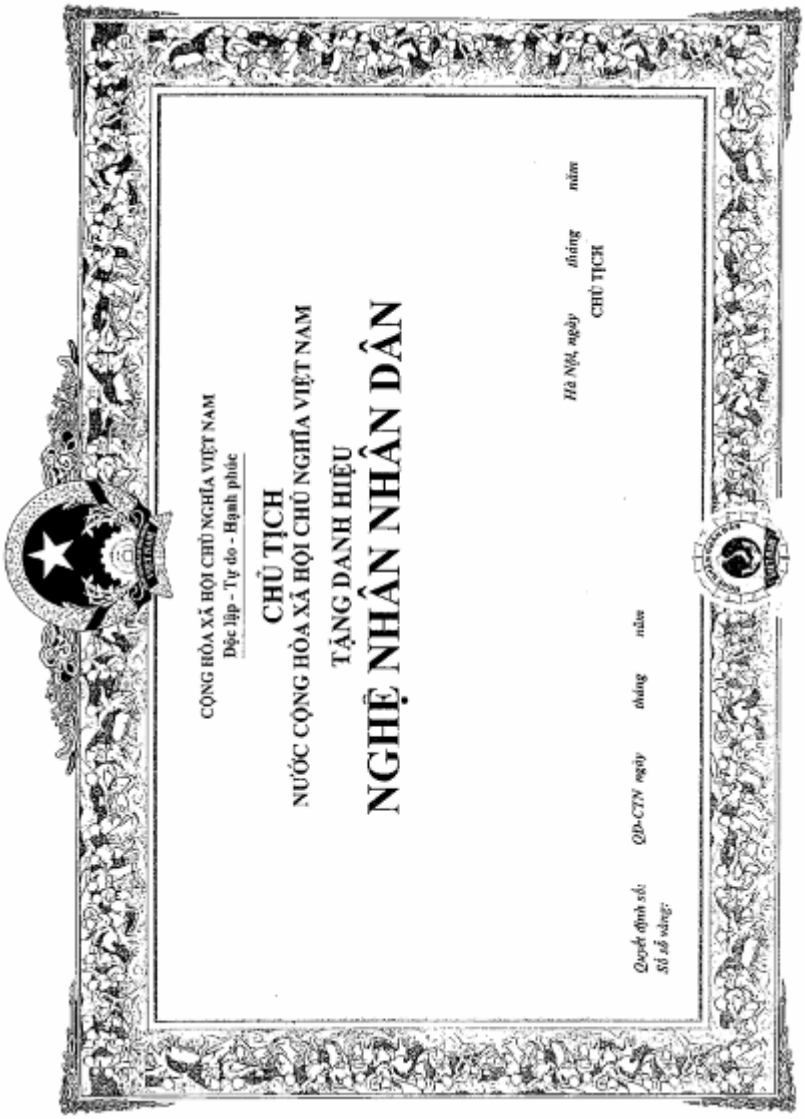
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG DANH HIỆU
NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Sổ sổ vàng:

Mẫu số 2.27

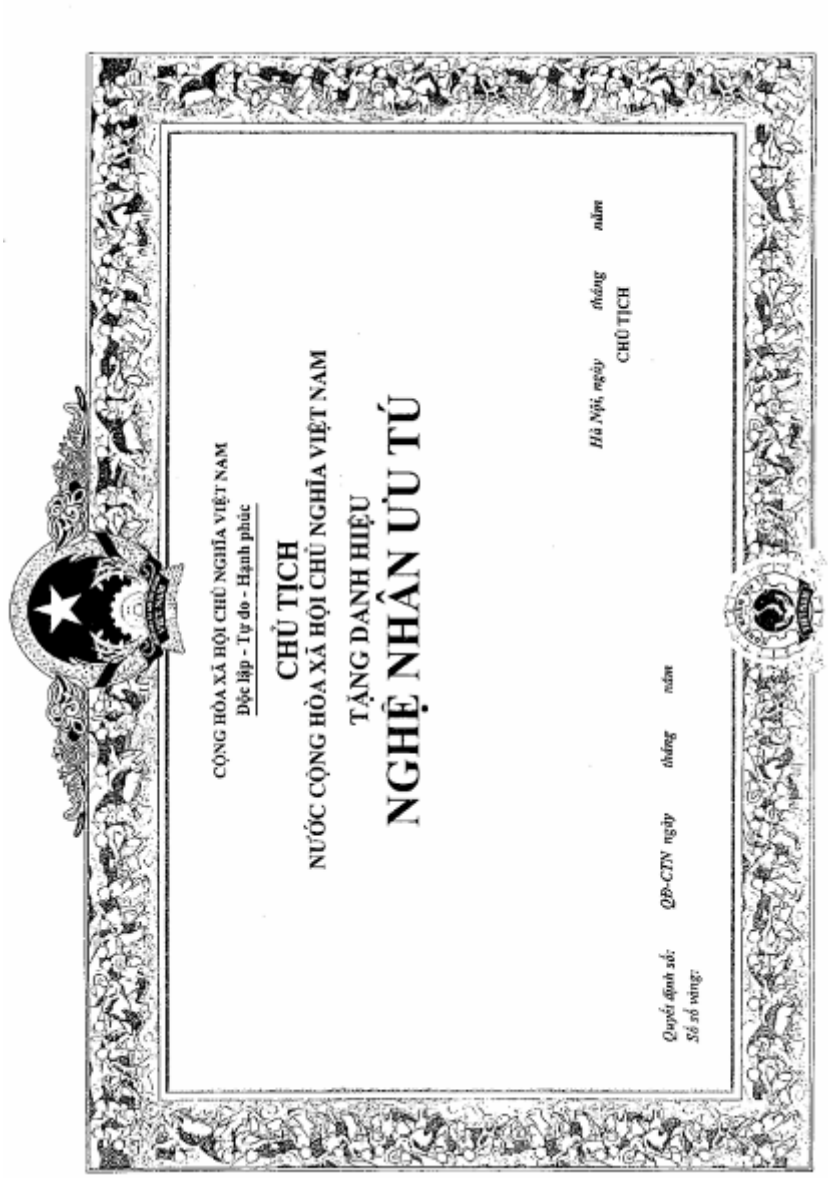
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG DANH HIỆU
NGHỆ NHÂN ƯU TÚ
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Số sổ vàng:

Mẫu số 2.28

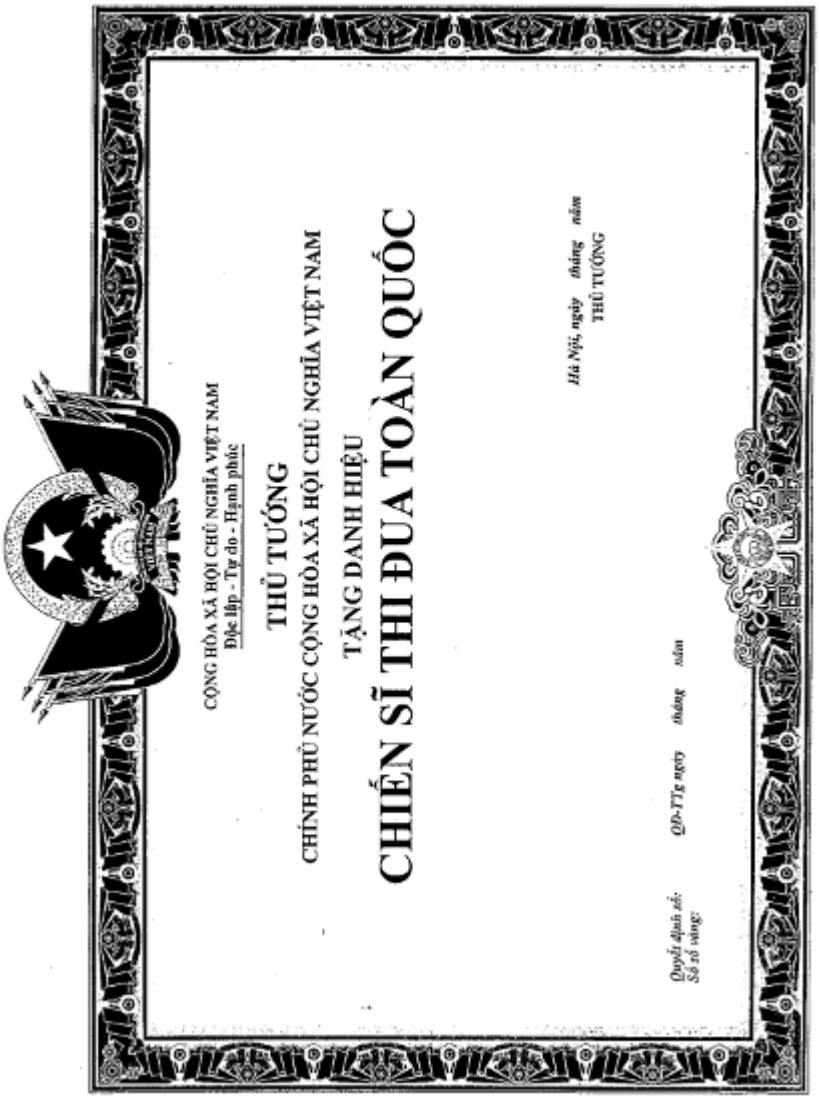

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỦ TƯỚNG
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TẶNG DANH HIỆU
CHIẾN SĨ THI ĐUA TOÀN QUỐC

Hà Nội, ngày tháng năm
THỦ TƯỚNG

Quyết định số: QĐ-TTg ngày tháng năm
Số sổ vàng:

Mẫu 2.29

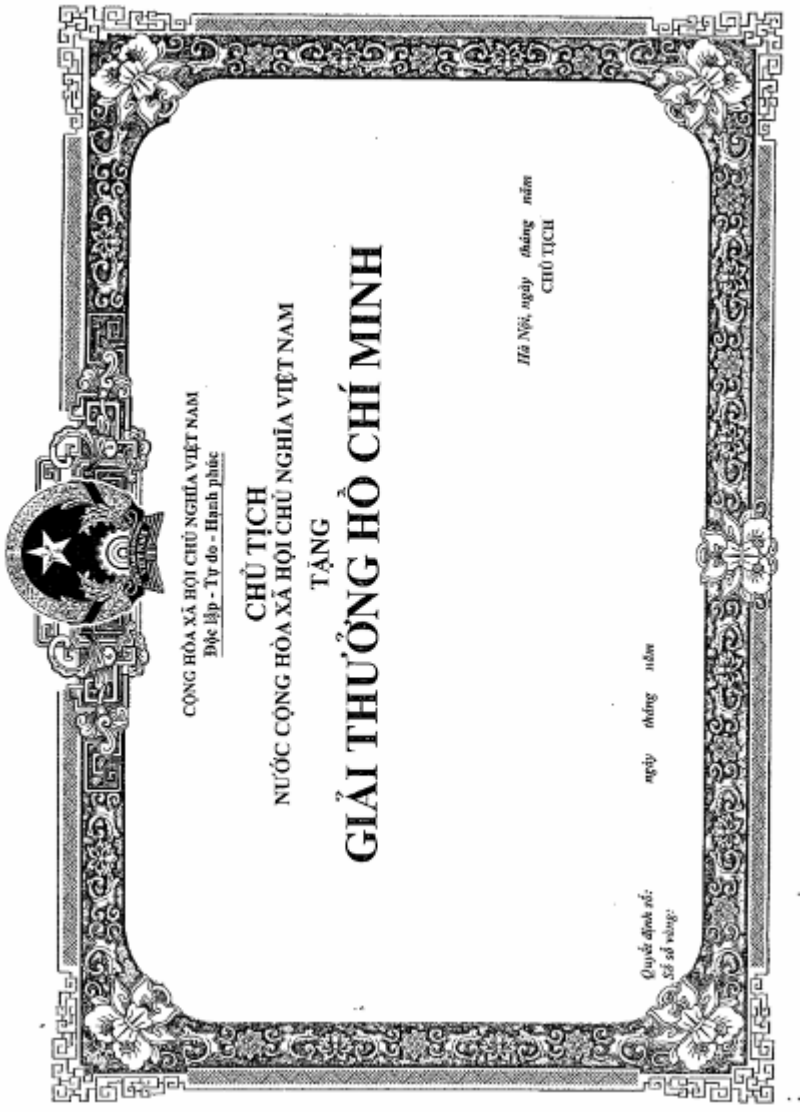
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
GIẢI THƯỞNG HỒ CHÍ MINH
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số:
Số sổ vàng:
ngày tháng năm

Mẫu 2.30

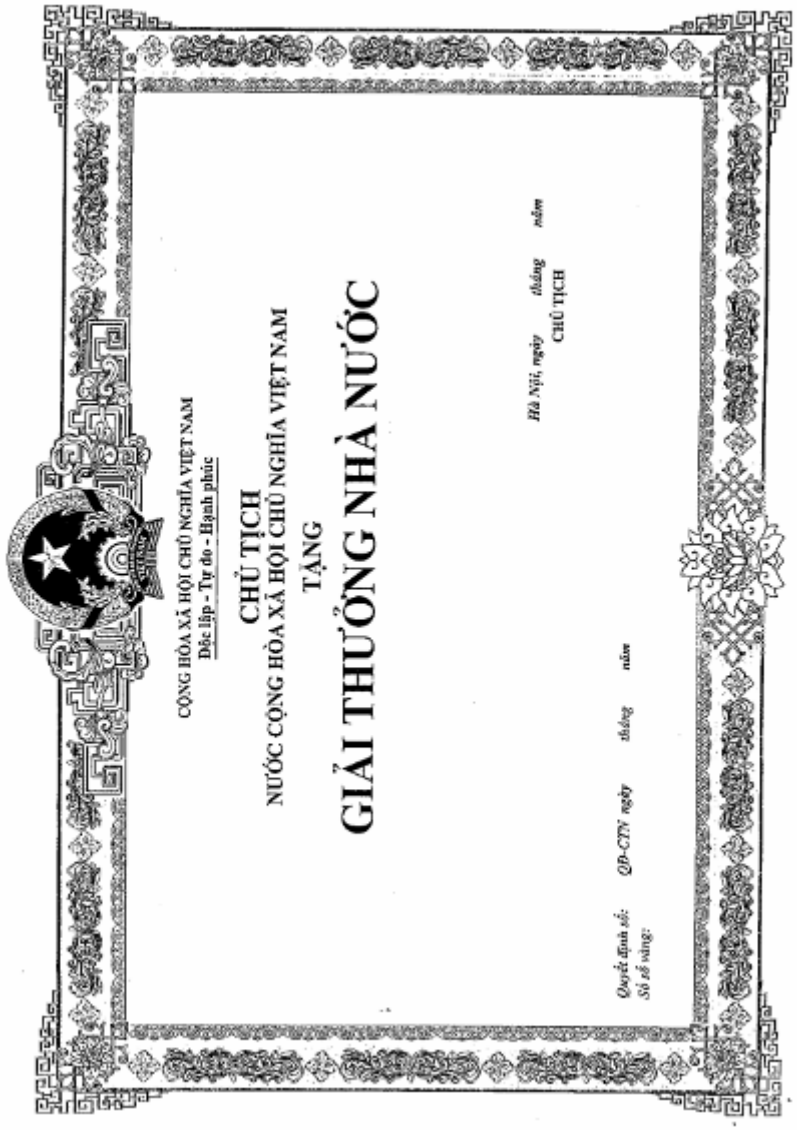
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
GIẢI THƯỞNG NHÀ NƯỚC
Hà Nội, ngày tháng năm
CHỦ TỊCH
Quyết định số: QĐ-CTN ngày tháng năm
Số sổ vàng:

Mẫu số 2.31

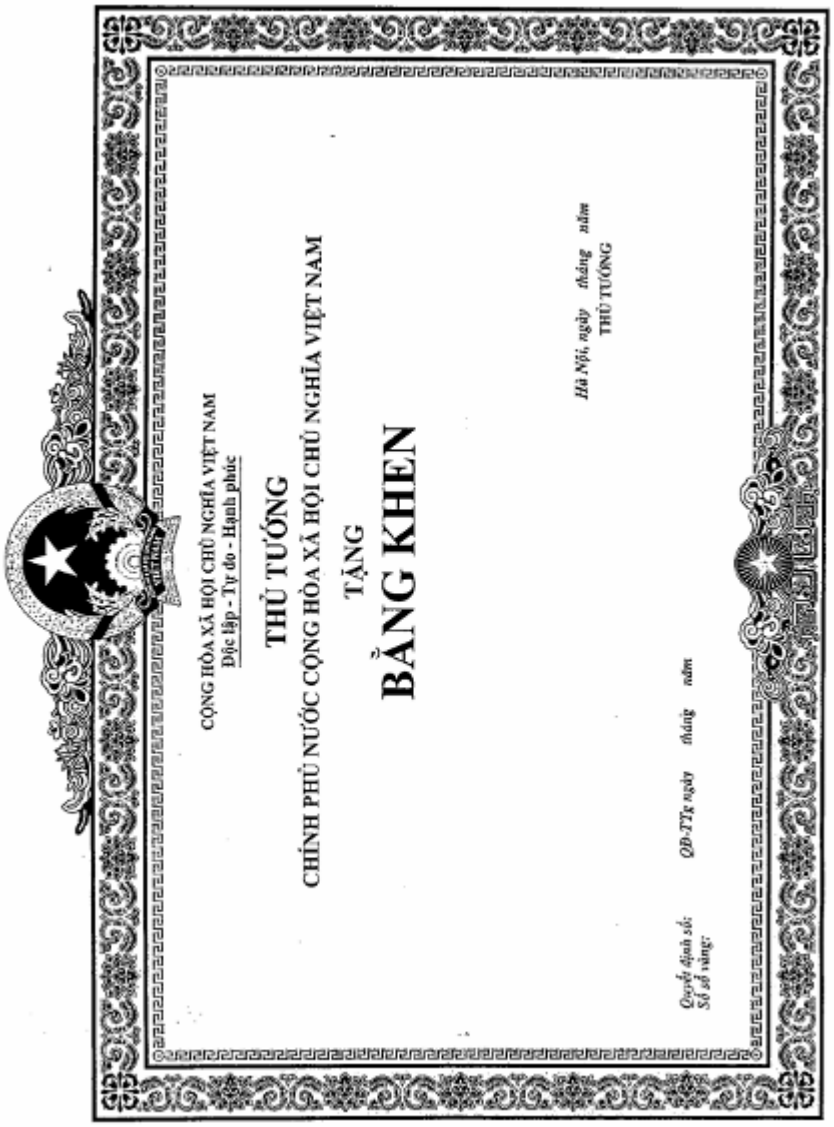
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THỦ TƯỚNG
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẶNG
BẰNG KHEN
Hà Nội, ngày tháng năm
THỦ TƯỚNG
Quyết định số: QĐ-TTg ngày tháng năm
Sổ sổ vàng:

PHỤ LỤC III

MẪU BẢN VẼ THIẾT KẾ CỜ DANH HIỆU VINH DỰ NHÀ NƯỚC VÀ CỜ THI ĐUA

(Ban hành kèm theo Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ)

Mẫu 3.1. "Cờ Anh hùng Lao động"

Mẫu 3.2. "Cờ Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân"

Mẫu 3.3. "Cờ Tỉnh anh hùng"

Mẫu 3.4. "Cờ Thành phố anh hùng"

Mẫu 3.5. "Cờ thi đua của Chính phủ"

Mẫu 3.1.

CỜ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

Mẫu 3.2

CỜ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

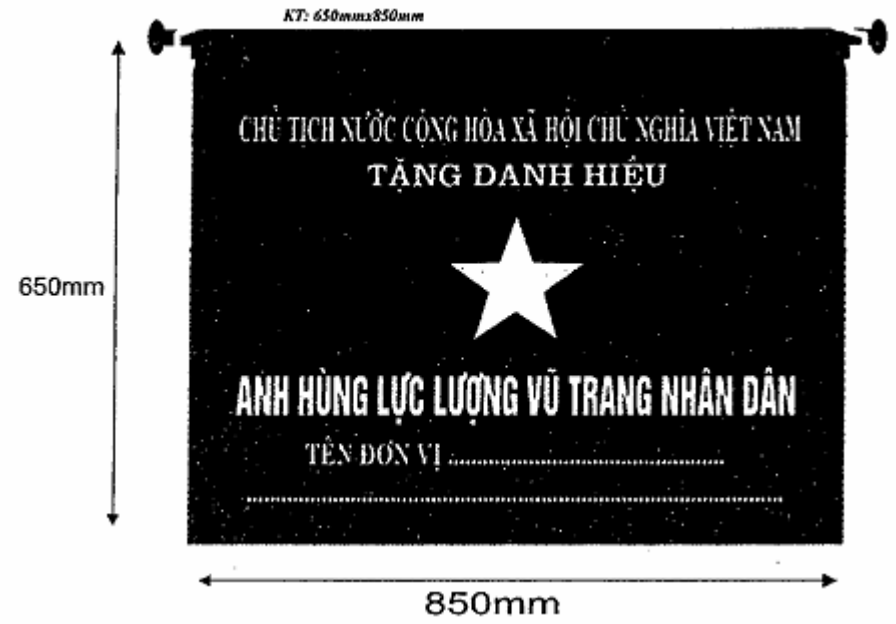

Mẫu 3.3.

CỜ TỈNH ANH HÙNG

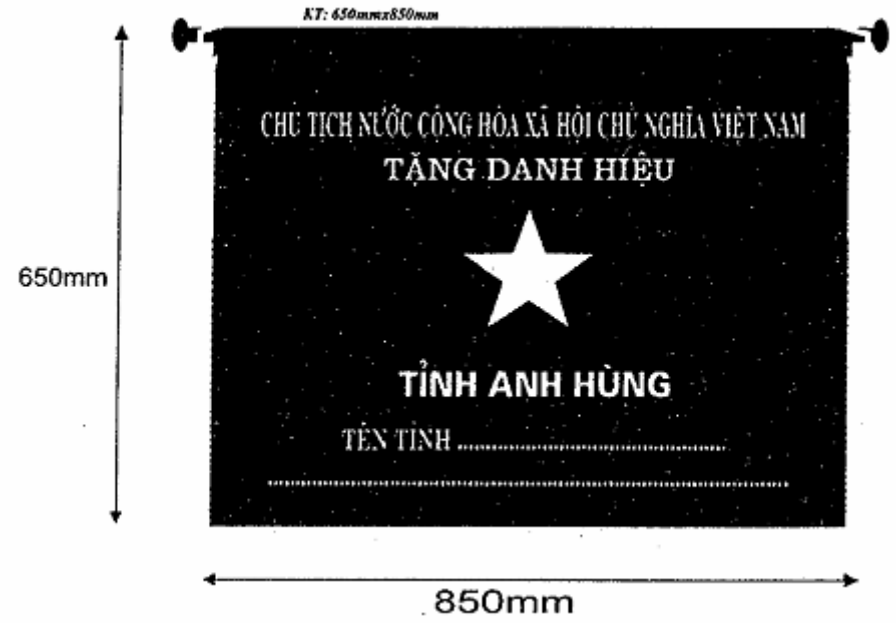

Mẫu 3.4

CỜ THÀNH PHỐ ANH HÙNG

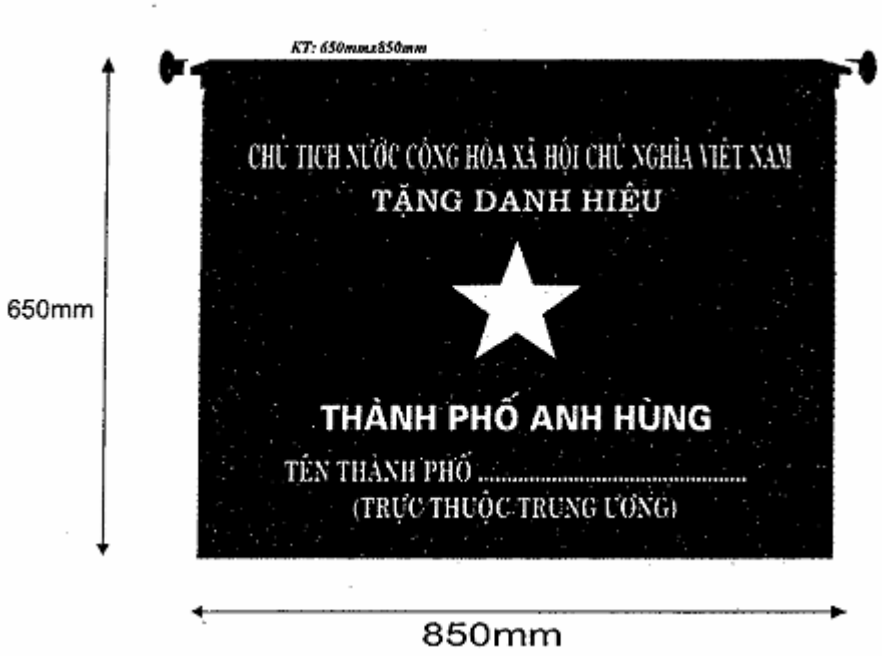

CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ

Mẫu 3.5

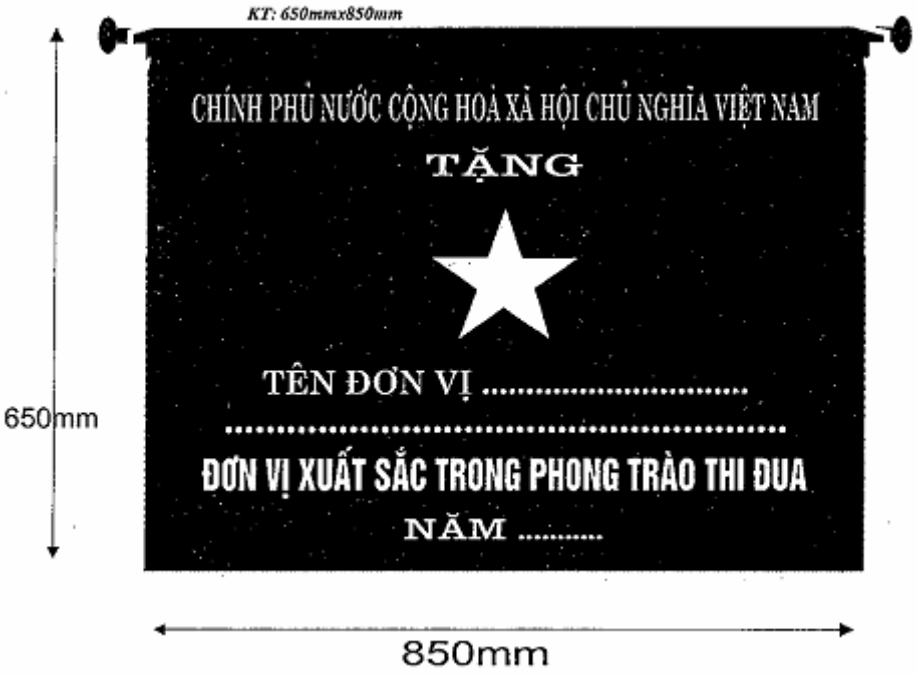

PHỤ LỤC IV

MẪU TRÌNH BÀY ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI

(Ban hành kèm theo Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ)

Mẫu 4.1a. Công văn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của tập thể

Mẫu 4.1b. Đơn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của cá nhân

Mẫu 4.2a. Công văn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của tập thể

Mẫu 4.2b. Đơn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của cá nhân

Mẫu 4.3. Danh sách đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng

Mẫu 4.4. Danh sách đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng

Mẫu 4.1a

……
……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng

(Địa danh), ngày tháng năm

Kính gửi: - Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- (Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Tên tập thể đề nghị cấp đổi[1]:.....
Đơn vị trực thuộc[2]:.....
Địa chỉ hiện nay:…….. Điện thoại liên hệ:.....
Đã được tặng thưởng[3]:.....
Theo Quyết định số[4]:…….... ngày…… tháng.....: năm……..
Của[5]: .....
Số sổ vàng[6]: .....
Đơn vị trình khen[7]: .....
Lý do cấp đổi: .....
Hiện vật xin cấp đổi:
1. .....
2. .....

(Có hiện vật xin cấp đổi kèm theo)

(Tên tập thể đề nghị cấp đổi) cam đoan những điều khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(Địa danh), ngày ….. tháng…. năm...[8]
Thủ trưởng đơn vị [9]
(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung của bằng cũ.

[1] Ghi đúng tên của tập thể hoặc họ và tên đầy đủ của cá nhân được khen thưởng.

[2] Đối với cá nhân ghi địa chỉ hoặc chức vụ, đơn vị công tác; đối với tập thể ghi đơn vị trực thuộc.

[3] Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.

[4] Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.

[5] Ghi chức danh, họ và tên của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng (người ký bằng khen)

[6] Số sổ vàng là số thứ tự trong quyết định khen thưởng hoặc số sổ vàng ghi trên bằng khen.

[7] Đơn vị trình khen: Ghi bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương đã trình khen cho tập thể, cá nhân.

[8] Địa danh, ngày, tháng, năm lấy theo tên gọi địa danh chính thức của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi tập thể, cá nhân đề nghị cấp đổi đóng trụ sở và ghi ngày tháng năm đề nghị cấp đổi.

[9] Thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu đối với tập thể đề nghị cấp đổi. Nếu là cá nhân thì cá nhân ký tên, ghi rõ họ tên.

Mẫu 4.1b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Kính gửi: - Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- (Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Tên cá nhân đề nghị cấp đổi[1]: …… Số CMND: .....

Quê quán/đơn vị công tác[2]: .....

Địa chỉ hiện nay:…….. Điện thoại liên hệ: .....

Đã được tặng thưởng[3]: .....

Theo Quyết định số[4]: …….. ngày….. tháng….. năm.....

Của[5]: .....

Số sổ vàng[6]: .....

Đơn vị trình khen[7]: .....

Lý do cấp đổi: .....

Hiện vật xin cấp đổi:

1. .....

2. .....

(Có hiện vật xin cấp đổi kèm theo)

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(Địa danh), ngày….. tháng…. năm...[8]
Người đề nghị[9]

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung của bằng cũ.

[1] Ghi đúng tên của tập thể hoặc họ và tên đầy đủ của cá nhân được khen thưởng.

[2] Đối với cá nhân ghi địa chỉ hoặc chức vụ, đơn vị công tác; đối với tập thể ghi đơn vị trực thuộc.

[3] Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.

[4] Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.

[5] Ghi chức danh, họ và tên của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng (người ký bằng khen)

[6] Số sổ vàng là số thứ tự trong quyết định khen thưởng hoặc số sổ vàng ghi trên bằng khen.

[7] Đơn vị trình khen: Ghi bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương đã trình khen cho tập thể, cá nhân.

[8] Địa danh, ngày, tháng, năm lấy theo tên gọi địa danh chính thức của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi tập thể, cá nhân đề nghị cấp đổi đóng trụ sở và ghi ngày tháng năm đề nghị cấp đổi.

[9] Thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu đối với tập thể đề nghị cấp đổi. Nếu là cá nhân thì cá nhân ký tên, ghi rõ họ tên.

Mẫu 4.2a

……
……..

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng

(Địa danh), ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: - Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- (Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Tên tập thể đề nghị cấp lại[1]:.....

Đơn vị trực thuộc[2]:.....

Địa chỉ hiện nay: …….. Điện thoại liên hệ: .....

Đã được tặng thưởng[3]: .....

Theo Quyết định số[4]:…….... ngày ……tháng..... năm…….. Của[5]:.....

Số sổ vàng[6]: .....

Đơn vị trình khen[7]: .....

Lý do cấp lại: .....

Hiện vật xin cấp đổi:

1. .....

2. .....

(Tên tập thể đề nghị cấp lại) cam đoan những điều khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(Địa danh), ngày….. tháng…. năm...[8]
Thủ trưởng đơn vị [9]
(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung ghi trong quyết định khen thưởng.

[1] Ghi đúng tên của tập thể hoặc họ và tên đầy đủ của cá nhân được khen thưởng.

[2] Đối với cá nhân ghi địa chỉ hoặc chức vụ, đơn vị công tác; đối với tập thể ghi đơn vị trực thuộc.

[3] Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.

[4] Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.

[5] Ghi chức danh, họ và tên của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng (người ký bằng khen)

[6] Số sổ vàng là số thứ tự trong quyết định khen thưởng hoặc số sổ vàng ghi trên bằng khen.

[7] Đơn vị trình khen: Ghi bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương đã trình khen cho tập thể, cá nhân.

[8] Địa danh, ngày, tháng, năm lấy theo tên gọi địa danh chính thức của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi tập thể, cá nhân đề nghị cấp lại đóng trụ sở và ghi ngày tháng năm đề nghị cấp lại.

[9] Thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu đối với tập thể đề nghị cấp lại. Nếu là cá nhân thì cá nhân ký tên, ghi rõ họ tên.

Mẫu 4.2b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Kính gửi: - Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- (Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Tên cá nhân đề nghị cấp lại[1]:…… Số CMND: .....

Quê quán/đơn vị công tác[2]:.....

Địa chỉ hiện nay: ……. Điện thoại liên hệ:.....

Đã được tặng thưởng[3]:.....

Theo Quyết định số[4]:…….. ngày….. tháng….. năm.....

Của[5]: .....

Số sổ vàng[6]: .....

Đơn vị trình khen thưởng[7]: .....

Lý do cấp lại: .....

Hiện vật xin cấp lại:

1. .....

2. .....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

(Địa danh), ngày….. tháng…. năm.....[8]
Người đề nghị[9]

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung ghi trong quyết định khen thưởng.

[1] Ghi đúng tên của tập thể hoặc họ và tên đầy đủ của cá nhân được khen thưởng.

[2] Đối với cá nhân ghi địa chỉ hoặc chức vụ, đơn vị công tác; đối với tập thể ghi đơn vị trực thuộc.

[3] Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.

[4] Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.

[5] Ghi chức danh, họ và tên của người có thẩm quyền quyết định khen thưởng (người ký bằng khen)

[6] Số sổ vàng là số thứ tự trong quyết định khen thưởng hoặc số sổ vàng ghi trên bằng khen.

[7] Đơn vị trình khen: Ghi bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương đã trình khen cho tập thể, cá nhân.

[8] Địa danh, ngày, tháng, năm lấy theo tên gọi địa danh chính thức của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi tập thể, cá nhân đề nghị cấp lại đóng trụ sở và ghi ngày tháng năm đề nghị cấp đổi.

[9] Thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu đối với tập thể đề nghị cấp lại. Nếu là cá nhân thì cá nhân ký tên, ghi rõ họ tên.

Mẫu số 4.3

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

(Kèm theo Công văn số..... ngày..... tháng.... năm..... của……)

STT	Tên tập thể, họ và tên cá nhân được khen thưởng	Địa chỉ	Số Quyết định khen thưởng	Ngày, tháng, năm ban hành Quyết định	Số sổ vàng	Họ và tên người có thẩm quyền quyết định khen thưởng	Đơn vị trình khen thưởng	Hiện vật đề nghị cấp đổi		Lý do đề nghị cấp đổi
								Bằng	Huân chương/Huy chương/Huy hiệu/KNC	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	**Huân chương...**									
1										
2										
II	**Huy chương**									
1										
2										

(Có hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi kèm theo).

(Địa danh), ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, họ và tên, đóng dấu)

---

[1] Ghi số thứ tự trong danh sách, lưu ý sắp xếp theo từng hình thức khen thưởng, trong từng hình thức khen thưởng thì sắp xếp theo thứ tự thời gian của quyết định khen thưởng.

[2] Ghi tên tập thể, họ và tên cá nhân được khen thưởng theo đúng quyết định được khen thưởng.

[3] Đối với cá nhân: Ghi địa chỉ nguyên quán hoặc chức danh, đơn vị công tác. Đối với tập thể: Ghi đơn vị trực thuộc (theo đúng thông tin trong quyết định khen thưởng).

[4] Ghi đầy đủ số và ký hiệu của quyết định khen thưởng.

[5] Ghi ngày tháng năm của quyết định khen thưởng.

[6] Số sổ vàng: Ghi số thứ tự trong quyết định khen thưởng hay số sổ vàng ghi trong bằng cũ.

[7] Họ và tên của người ký bằng khen.

[8] Đơn vị trình khen thưởng: Ghi bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương đã trình khen cho tập thể, cá nhân.

[9] Nếu là cấp đổi hoặc cấp lại bằng đánh dấu (x), nếu không đề nghị cấp đổi, cấp lại bằng thì để trống.

[10] Ghi tên cụ thể tên huân chương (huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương) đề nghị cấp đổi, cấp lại.

[11] Ghi rõ lý do đề nghị cấp đổi, cấp lại.

Mẫu số 4.4

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

(Kèm theo Công văn số..... ngày..... tháng.... năm..... của……)

STT	Tên tập thể, họ và tên cá nhân được khen thưởng	Địa chỉ	Số Quyết định khen thưởng	Ngày, tháng, năm ban hành Quyết định	Số sổ vàng	Họ và tên người có thẩm quyền quyết định khen thưởng	Đơn vị trình khen thưởng	Hiện vật đề nghị cấp lại		Lý do cấp lại
								Bằng	Huân chương/Huy chương/Huy hiệu/KNC	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	**Huân chương...**									
1										
2										
II	**Huy chương...**									
1										
2										

(Địa danh), ngày tháng năm
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, họ và tên, đóng dấu)

---

[1] Ghi số thứ tự trong danh sách, lưu ý sắp xếp theo từng hình thức khen thưởng, trong từng hình thức khen thưởng thì sắp xếp theo thứ tự thời gian của quyết định khen thưởng.

[2] Ghi tên tập thể, họ và tên cá nhân được khen thưởng theo đúng quyết định được khen thưởng.

[3] Đối với cá nhân: Ghi địa chỉ nguyên quán hoặc chức danh, đơn vị công tác. Đối với tập thể: Ghi đơn vị trực thuộc (theo đúng thông tin trong quyết định khen thưởng).

[4] Ghi đầy đủ số và ký hiệu của quyết định khen thưởng.

[5] Ghi ngày tháng năm của quyết định khen thưởng.

Mẫu 4.5

BỘ NỘI VỤ **BAN THI ĐUA - KHEN THƯỞNG TRUNG ƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GCN-BTĐKTTW	*Hà Nội, ngày…… tháng….. năm 20…*

GIẤY CHỨNG NHẬN
Cấp đổi bằng.... (1)

Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chứng nhận cấp đổi bằng cho:
Tên tập thể (họ và tên cá nhân):.....
Địa chỉ (chức vụ, đơn vị công tác):.....
Đã được tặng thưởng:.....(1).....
Thành tích khen thưởng:.....(2) .....
Theo Quyết định (Nghị quyết, Lệnh) số:..... ngày... tháng... năm .....
Của .....
Đơn vị trình khen:.....(4) .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú: Các thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đều đúng theo Quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền
(1) Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước;
(2) Ghi câu thành tích trong Quyết định khen thưởng;
(3) Ghi thẩm quyền quyết định khen thưởng;
(4) Ghi bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã trình khen thưởng cho tập thể, cá nhân.

Phụ lục được bổ sung tại Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2018.

Mẫu 4.6

BỘ NỘI VỤ **BAN THI ĐUA - KHEN THƯỞNG TRUNG ƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GCN-BTĐKTTW	*Hà Nội, ngày…… tháng….. năm 20…*

GIẤY CHỨNG NHẬN
Cấp lại bằng.....(1)

Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương chứng nhận cấp lại bằng cho:

Tên tập thể (họ và tên cá nhân):.....

Địa chỉ (chức vụ, đơn vị công tác):.....

Đã được tặng thưởng:.....(1).....

Thành tích khen thưởng:.....(2) .....

Theo Quyết định (Nghị quyết, Lệnh) số:..... ngày... tháng... năm .....

Của.....(3) .....

Đơn vị trình khen:.....(4) .....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú: Các thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đều đúng theo Quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền

(1) Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước;

(2) Ghi câu thành tích trong Quyết định khen thưởng;

(3) Ghi thẩm quyền quyết định khen thưởng;

(4) Ghi bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã trình khen thưởng cho tập thể, cá nhân.

Phụ lục được bổ sung tại Nghị định số 101/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2018.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng